BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

---o0o---

ĐỀ ÁN

ÁP DỤNG CƠ CHẾ ĐẶC THÙ ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Khánh Hòa, tháng 5 năm 2018

MỤC LỤC

MỤC LỤC i
GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG 1
PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG NGÀNH ĐÀO TẠO 1
PHẦN II: NỘI DUNG HỢP TÁC VỚI DOANH NGHIỆP ĐỐI TÁC 19
PHẦN III: QUY ĐỊNH VỀ TUYỂN SINH VÀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO 21
PHẦN IV: ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO 22
PHẦN V: GIẢI PHÁP, MINH CHỨNG ĐẢM BẢO VIỆC LÀM 47

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 5.1: Kết quả đánh giá của doanh nghiệp du lịch về kiến thức của lao động được đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng liên quan đến du lịch trên địa bàn.....41
Hình 5.2: Kết quả đánh giá của doanh nghiệp du lịch về kỹ năng của lao động được đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng liên quan đến du lịch trên địa bàn.....41
Hình 5.3: Kết quả đánh giá của doanh nghiệp du lịch về tinh thần/thái độ của lao động được đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng liên quan đến du lịch trên địa bàn.....42
Hình 5.4: Kết quả đánh giá của doanh nghiệp du lịch về kiến thức; kỹ năng; tinh thần/thái độ và chất lượng của lao động được đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng liên quan đến du lịch trên địa bàn.....43

GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

1.1. Quá trình xây dựng và phát triển Nhà trường

Trường Đại học Nha Trang hiện nay (trước đây là Trường Đại học Thủy sản) tiền thân là Khoa Thủy sản được thành lập ngày 01/8/1959 tại Học viện Nông Lâm Hà Nội (nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam). Ngày 16/08/1966, theo Quyết định số 155-CP của Thủ tướng Chính phủ, Khoa Thủy sản được tách thành Trường Thủy sản. Hiện nay, Trường Đại học Nha Trang là cơ sở đào tạo đại học và sau đại học có bề dày truyền thống gần 55 năm và đã có hơn 40 năm đứng chân trên địa bàn Khánh Hòa. Trường đã đào tạo và cung cấp một nguồn nhân lực quan trọng về khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế - xã hội cho khu vực, đóng góp một phần to lớn cho sự phát triển của khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, cũng như của ngành Thủy sản Việt Nam. Ghi nhận công lao đóng góp to lớn trong sự nghiệp đào tạo và nghiên cứu khoa học, Trường đã được Nhà nước tặng thưởng các Huân chương cao quý như Lao động hạng Ba, hạng Nhì, hạng Nhất và Huân chương Độc lập hạng Ba, hạng Nhì và hạng Nhất. Tháng 7/2006, Trường được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới.

1.2. Các ngành, trình độ và hình thức đào tạo

Từ năm 1997, cùng việc không ngừng củng cố và nâng cao chất lượng đào tạo phục vụ cho ngành Thủy sản cả nước, được sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường đã không ngừng phát triển quy mô và cơ cấu ngành học theo hướng đa ngành. Hiện Trường đang đào tạo 6 ngành trình độ tiến sĩ, 15 ngành trình độ thạc sĩ, 30 ngành đại học, cao đẳng các lĩnh vực kỹ thuật công nghệ, kinh tế quản lý và xã hội nhân văn với 3 phương thức đào tạo là: chính quy, vừa học vừa làm và đào tạo từ xa qua mạng.

1.3. Đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý

Đội ngũ cán bộ của Trường không ngừng nâng cao cả về số lượng và chất lượng, đến nay trường có gần 500 cán bộ giảng dạy, 21 Phó Giáo sư, 76 giảng viên cao cấp và giảng viên chính, 103 tiến sĩ có trên 400 giảng viên có trình độ sau đại học (chiếm trên 90% tổng số giảng viên). Phần lớn giảng viên của nhà trường có nhiều kinh nghiệm và năng lực trong đào tạo và nghiên cứu khoa học, với nhiều cán bộ trẻ được đào tạo ở nhiều nước trong khu vực và thế giới đã chứng tỏ được năng lực trong công việc.

1.4. Quy mô đào tạo các trình độ

Trường hiện có trên 30.000 sinh viên theo học, phân theo trình độ và loại hình đào tạo gồm 69 Nghiên cứu sinh, 1.258 học viên sau đại học, 9.094 sinh viên đại học và 3.000 sinh viên Cao đẳng chính quy, trên 10.000 sinh viên hệ vừa học vừa làm. Với phương châm không ngừng phát triển, không bằng lòng với những gì đang có, Trường luôn tích cực đẩy mạnh việc phát triển các ngành nghề đào tạo, đi tắt đón đầu

trong công tác đào tạo, năm học 2016 Trường đang tích cực đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mở thêm một số ngành học mới.

1.5. Cơ sở vật chất

Cơ sở đào tạo chính của Trường đặt tại Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Ngoài ra Trường còn liên kết đào tạo tại nhiều địa phương khác trong cả nước từ Quảng Ninh đến Cà Mau. Từ năm 2005, thực hiện chỉ thị của Thủ tướng chính phủ, Trường đào tạo trình độ đại học hệ chính quy các ngành Khai thác thủy sản, Cơ khí, Chế biến, Nuôi trồng, Kinh tế và Kế toán tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Ngày 06/4/2006, Phân hiệu Kiên Giang của Trường được chính thức thành lập theo Quyết định số 1704/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nay trở thành Trường Đại học Kiên Giang.

Khuôn viên chính của Trường có tổng diện tích 23,4 ha nằm trên vùng đồi hai mặt giáp biển, cách trung tâm thành phố Nha Trang 1,5 km, sân bay Cam Ranh 35 km, cách ga xe lửa gần 4km, cách bến xe ô tô phía Nam 5km và bến xe phía Bắc gần 2 km. Trường có 9 khu giảng đường - với tổng diện tích gần 28.000m^2, với 100 phòng học có sức chứa (60 – 200) SV/phòng, mỗi phòng học đều trang bị các thiết bị chuyên dùng như projector, hệ thống âm thanh, máy tính nối mạng internet hỗ trợ việc dạy và học.

Các phòng thí nghiệm, thực hành được bố trí ở các khu vực trong nhà trường, được giao cho các Khoa chuyên ngành quản lý và bố trí lịch sử dụng các phòng này. Sinh viên và các Học viên Sau đại học được tạo những điều kiện tốt nhất để thực hiện các thí nghiệm và các nghiên cứu khoa học dưới sự hướng dẫn của cán bộ giảng dạy. Ngoài ra, Trường còn có các cơ sở thực hành thực tập tại các Xưởng, Trạm, Trại, Trung tâm bên ngoài khuôn viên Trường như Trại thực nghiệm Nuôi trồng Thủy sản tại Ninh Hòa, Cam Ranh; Viện Nghiên cứu Chế tạo Tàu thủy tại Hòn Rớ, Nha Trang...

Thư viện của Trường được bố trí trong một khu vực rất yên tĩnh và thoáng mát, với hơn 30.000 đầu sách, hàng trăm loại tạp chí được bổ sung, cập nhật thường xuyên. Hàng ngày, Thư viện mở cửa phục vụ từ 7 giờ đến 20 giờ (trừ ngày lễ và chủ nhật), trong thời gian thi học kỳ Thư viện được mở cửa đến 22 giờ đêm phục vụ sinh viên. Phòng đọc Thư viện có gần 1000 chỗ ngồi, SV có thể đọc tại chỗ các loại sách, tạp chí, báo cáo khoa học, đọc dữ liệu trên CD-Rom và khai thác thông tin trên mạng Internet. Ngoài ra còn có Phòng đọc Sau đại học dành cho việc tra cứu của cán bộ giảng dạy, học viên sau đại học và sinh viên giỏi với khoảng 100 chỗ ngồi.

Ký túc xá của Trường gồm 15 tòa nhà 1 đến 7 tầng với tổng diện tích 18.000 m^2 có khả năng đáp ứng được nhu cầu về chỗ ở cho khoảng 5.000 sinh viên của Trường. Sinh viên giỏi, sinh viên diện chính sách được ở miễn phí trong KTX khuyến học. KTX Cao học là nơi ở của các học viên cao học, nghiên cứu sinh và của chuyên gia. Bên cạnh khu ký túc xá là Nhà ăn phục vụ sinh viên với các bữa ăn đảm bảo vệ sinh, ngon miệng và phù hợp với điều kiện của sinh viên. Câu lạc bộ sinh viên, Nhà thi đấu đa năng và sân chơi thể thao nằm trong khuôn viên của Trường là nơi thu hút sinh viên

vào các hoạt động giao lưu văn hoá, văn nghệ, thể thao vui chơi giải trí ngoài giờ học..

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG NGÀNH ĐÀO TẠO

I. THÔNG TIN CHUNG

I.1. Tên chương trình đào tạo

Tiếng Việt: **Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**

Tiếng Anh: **Tourism Services & Tour Management**

I.2. Tên ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành Mã số: 52340103

I.3. Trình độ đào tạo: Đại học/Cao đẳng

I.4. Hình thức đào tạo: Chính quy

I.5. Định hướng đào tạo: Ứng dụng

I.6. Thời gian đào tạo: 4 năm

I.7. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 145 tín chỉ (bao gồm cả kiến thức giáo dục thể chất và quốc phòng)

I.8. Khoa/viện quản lý: Kinh tế

I.9. Giới thiệu về chương trình

Chương trình giáo dục đại học Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo hướng đặc thù đào tạo các cử nhân có trình độ trong lĩnh vực kinh doanh du lịch. Sinh viên ra trường có thể làm việc trong các đơn vị kinh doanh du lịch và dịch vụ (lữ hành, khách sạn, khu nghỉ dưỡng, nhà hàng, sự kiện hội nghị, sân bay, y tế,…); hoặc các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch các cấp; hoặc các đơn vị sự nghiệp giáo dục (trường đại học, cao đẳng, trung cấp, viện nghiên cứu du lịch).

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

II.1 Mục tiêu chung

Chương trình giáo dục đại học Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo hướng đặc thù cung cấp cho sinh viên môi trường và những hoạt động giáo dục để họ hình thành và phát triển nhân cách, đạo đức, tri thức, các kỹ năng cơ bản và cần thiết nhằm đạt được thành công về nghề nghiệp trong lĩnh vực chuyên môn, đáp ứng nhu cầu xã hội.

II.2 Mục tiêu cụ thể

SV tốt nghiệp đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo hướng đặc thù có các phẩm chất, kiến thức và kỹ năng sau:

1. Có lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, hiểu biết về các giá trị đạo đức, trách nhiệm công dân, văn hóa - xã hội, kinh tế và pháp luật; ý thức và năng lực học tập suốt đời để nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn.

2. Có hiểu biết chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, vận dụng kiến thức toán, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn, công nghệ thông tin và kiến thức cơ sở vào ngành đào tạo.

3. Các kiến thức chuyên sâu về kinh doanh du lịch như: địa lý du lịch; tâm lý và giao tiếp ứng xử trong du lịch; nghiệp vụ hướng dẫn; các tuyến điểm du lịch; thiết kế và điều hành tour du lịch; quản trị hãng vận chuyển; tổ chức sự kiện và hội nghị; quản trị kinh doanh lữ hành.

4. Có kỹ năng chuyên môn thực hiện các hoạt động kinh doanh trong lữ hành như: nghiệp vụ hướng dẫn; thiết kế và điều hành tour; tiếp thị và bán Tour.

5. Có khả năng sử dụng ngoại ngữ chuẩn tối thiểu bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

6. Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình quản lý và kinh doanh lữ hành…

7. Có các kỹ năng mềm như: làm việc độc lập; làm việc theo nhóm và với cộng đồng; giao tiếp và truyền đạt thông tin; thu thập, xử lý thông tin để giải quyết vấn đề; quản lý và lãnh đạo nhóm.

III. CHUẨN ĐẦU RA

III.1. Nội dung chuẩn đầu ra

A. Phẩm chất đạo đức, nhân văn và sức khỏe

A1. Có lập trường chính trị vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, hiểu biết về các giá trị đạo đức và ý thức trách nhiệm công dân;

A2. Có hiểu biết về văn hóa – xã hội, kinh tế và pháp luật;

A3. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp;

A4. Có ý thức học tập để nâng cao năng lực và trình độ;

A5. Có đủ sức khỏe để làm việc.

B. Kiến thức

B1. Hiểu các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam;

B2. Hiểu và vận dụng kiến thức toán, khoa học xã hội-nhân văn, và kiến thức cơ sở vào ngành đào tạo;

B3. Hiểu và vận dụng các kiến thức chuyên môn sau:

B3.1 Kiến thức về kinh tế học cơ bản, về nguyên lý quản trị; marketing; tài chính - kế toán.

B3.2 Kiến thức về pháp luật (luật du lịch Việt nam và luật du lịch quốc tế).

B3.3 Kiến thức về quản trị nhân lực, hoạch định chiến lược, lập kế hoạch kinh doanh, nghệ thuật lãnh đạo, quản trị chất lượng dịch vụ trong một doanh nghiệp du lịch.

B3.4 Có kiến thức cơ bản về quản trị khách sạn, khu nghỉ dưỡng; nhà hàng và dịch vụ ăn uống.

B3.5 Các kiến thức chuyên sâu để tổ chức thực hiện các nghiệp vụ du lịch và lữ hành ở các cơ sở quản lý hoặc kinh doanh du lịch, cụ thể là:

- Các kiến thức chuyên sâu về văn hóa, địa lý, lịch sử, các tuyến điểm du lịch, tâm lý và giao tiếp ứng xử trong du lịch, nghiệp vụ hướng dẫn.
- Các kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh lữ hành: thiết kế và điều hành tour du lịch; quản trị hãng vận chuyển; quản trị kinh doanh lữ hành.
- Các kiến thức chuyên sâu về tổ chức sự kiện và hội nghị.

B3.6 Vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực hành nghiệp vụ quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

C. Kỹ năng

C1. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng làm việc độc lập
- Kỹ năng làm việc theo nhóm và với cộng đồng.
- Kỹ năng giao tiếp và truyền đạt thông tin trong lĩnh vực chuyên môn.
- Kỹ năng lắng nghe và thấu hiểu.
- Kỹ năng thu thập, xử lý thông tin để giải quyết vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn.
- Kỹ năng hoạt náo.
- Kỹ năng thuyết trình.
- Kỹ năng tổ chức cuộc họp.

C1.1. Trình độ ngoại ngữ tối thiểu đạt bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

C1.2. Trình độ công nghệ thông tin phải thiểu đạt theo Chuẩn Công nghệ thông tin theo Bộ Thông tin Truyền thông. Sử dụng thành thạo Microft word, excel, powerpoint, pro show, các phần mềm trình chiếu.

C2. Kỹ năng cứng

C2.1 Tổ chức quản lý và điều hành các hoạt động trong kinh doanh lữ hành: vận dụng được kỹ năng thiết kế, hướng dẫn, và điều hành Tour; bán Tour, chăm sóc khách hàng; kỹ năng tổ chức sự kiện và hội nghị trong Tour.

C2.2 Tổ chức quản lý và điều hành hãng vận chuyển.

C2.3 Tổ chức các hoạt động kinh doanh trong khách sạn, khu nghỉ dưỡng; các hoạt động kinh doanh trong nhà hàng và dịch vụ ăn uống.

C2.4 Phân tích các thông tin để đánh giá chất lượng dịch vụ và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ lữ hành.

C2.5 Đánh giá sức hấp dẫn điểm đến.

C2.6 Nhận diện được các cơ hội, nguy cơ, điểm mạnh, điểm yếu của doanh nghiệp cũng như tham mưu cho doanh nghiệp trong công tác hoạch định chiến lược và lập kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp du lịch.

III.2. Định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp

A. Cơ sở kinh doanh du lịch: Hãng lữ hành, hãng vận chuyển, công ty tổ chức sự kiện và hội nghị, khách sạn, nhà hàng, khu du lịch.

- *Vị trí làm việc*: Có thể đảm nhận chức danh:
  - Chuyên viên bộ phận nghiệp vụ du lịch (hướng dẫn, điều hành Tour, bán Tour);
  - Trợ lý các Giám đốc công ty lữ hành, trợ lý Giám đốc marketing, trợ lý Giám đốc nhân sự, trợ lý Giám đốc kinh doanh, trợ lý … ;
  - Chuyên viên tổ chức sự kiện hội nghị và dịch vụ bổ sung;
  - Chuyên viên phụ trách quan hệ đối ngoại, marketing, quan hệ khách hàng tại các nhà hàng, khách sạn, khu nghỉ dưỡng.

B. Cơ quan quản lý Nhà nước về du lịch

- Vị trí làm việc: Có thể đảm nhận chức danh:
  - Chuyên viên các phòng và trung tâm trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (hoặc Sở Du lịch) (Phòng lữ hành, Quy hoạch tài nguyên du lịch, Nghiệp vụ du lịch, Trung tâm xúc tiến du lịch, Tổ chức cán bộ, Tổng hợp, Thanh tra du lịch) ;
  - Chuyên viên các phòng và trung tâm thuộc huyện (Phòng Văn hóa, Du lịch).
  - Có khả năng tham gia giảng dạy ở các cở sở đào tạo về quản trị kinh doanh du lịch.

IV. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

IV.1. Nội dung chương trình đào tạo (1)

KHỐI KIẾN THỨC	Tổng		Kiến thức bắt buộc		Kiến thức tự chọn	
	Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %
I. Kiến thức giáo dục đại cương	**52**	**36**	**33**	**23**	**19**	**13**
Khoa học xã hội và nhân văn	21	14	17	12	4	03
Giáo dục thể chất và QP-AN	11	8	4	03	7	05
Toán, khoa học tự nhiên, công nghệ & môi trường	8	6	4	03	4	03
Ngoại ngữ	12	8	8	06	4	03
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	**93**	**64**	**51**	**35**	**42**	**29**
Kiến thức cơ sở ngành	36	25	24	17	12	8
Kiến thức ngành	57	39	27	19	30	21

Tổng cộng	**145**	100	**84**	**58**	**61**	**42**

IV.2. Nội dung chương trình đào tạo (2)

TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỔ THEO GIỜ TÍN CHỈ		MÃ SỐ HỌC PHẦN TIÊN QUYẾT	PHỤC VỤ CHUẨN ĐẦU RA
			Lý thuyết	Thực hành		
I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		**52**	**33**	**19**		
I.1	**Khoa học xã hội và nhân văn**	**21**	**17**	**4**		
I.1.1	***Các học phần bắt buộc***	***17***	***15***	***2***		
1	Những NL cơ bản của CN Mác – Lênin 1 (Triết học)	2	2			A1,A4,B1
2	Những NL cơ bản của CN Mác – Lênin 2 (Kinh tế chính trị)	3	3		**1**	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	3		2	A3,A4,B1
4	Đường lối Cách mạng Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3		3	
5	Lịch sử Việt Nam	2	2			A1,A4,B1
6	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1		A2,B2
7	Pháp luật đại cương	2	1	1		A2,B2
I.1.2	***Các học phần tự chọn***	***4***	***2***	***2***		
8	Tâm lý học đại cương	2	1	1		A2,B2
9	Lịch sử văn minh thế giới	2	1	1		A2,B2

10	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	1	1		A2,B2
11	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	1	1		A2,B2
I.2	**Toán, khoa học tự nhiên, công nghệ và môi trường**	**8**	**4**	**4**		
I.2.1	***Các học phần bắt buộc***	***6***	***3***	***3***		
12	Toán A	3	2	1		A2,B2
13	Tin học văn phòng	3	1	2		C1.2
I.2.2	***Các học phần tự chọn***	***2***	***1***	***1***		
14	Du lịch bền vững	2	1	1		A2,B2
15	Du lịch tôn giáo và tín ngưỡng	2	1	1		A2,B2
I.3	**Ngoại ngữ**	**12**	**8**	**4**		
16	Ngoại ngữ 1 (Chuẩn TOEIC)	3	2	1		A2,B2,C1.1
17	Ngoại ngữ 2 (Chuẩn TOEIC)	3	2	1		A2,B2,C1.1
18	Ngoại ngữ 3 (Tiếng Anh/Tiếng Nga/Trung/Nhật/Pháp)	3	2	1		A2,B2,C1.1
19	Ngoại ngữ 4 (Tiếng Anh/Tiếng Nga/Trung/Nhật/Pháp)	3	2	1		A2,B2,C1.1
I.4	**Giáo dục thể chất và QPAN**	**11**	**4**	**7**		
I.4.1	***Các học phần bắt buộc***	***9***	***4***	***5***		
20	Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh)	1	0	1		A5
21	Đường lối quân sự của Đảng CSVN	3	2	1		A1,B1
22	Công tác quốc phòng - an ninh	2	1	1		

23	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và CKC	3	1	2		
I.4.2	***Các học phần tự chọn***	***2***	***0***	***2***		
24	Bóng đá	1	0	1		A5
25	Bóng chuyền	1	0	1		A5
26	Cầu lông	1	0	1		A5
27	Võ thuật	1	0	1		A5
28	Bơi lội	1	0	1		A5
II. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		**93**	**53**	**42**		
II.1	**Kiến thức cơ sở**	**36**	**24**	**12**		
II.1.1	***Các học phần bắt buộc***	***30***	***20***	***10***		
29	Tâm lý du khách	3	2	1		*B3.5*
30	Văn hóa giao tiếp và đạo đức trong du lịch	3	2	1	*25*	*B3.5*
31	Kinh tế học đại cương	3	2	1	10	B2,B3.1
32	Văn hóa du lịch	3	2	1	10	B2,B3.1
33	Marketing du lịch	3	2	1		B2,B3.1
34	Luật du lịch Việt Nam và quốc tế	3	2	1	4	B2,B3.2
35	Kinh tế du lịch	3	2	1	25,27,28	B2,B3.1,B3.5
36	Đại cương về Quản trị doanh nghiệp du lịch	3	2	1		B2,B3.1

37	Địa lý du lịch	3	2	1	3	B2,B3.1,B3.5
38	Quản trị nguồn nhân lực trong du lịch	3	2	1		
II.1.2	***Các học phần tự chọn***	***6***	***4***	***2***		
39	Phong tục, tập quán và lễ hội truyền thống	2	1	1		
40	Thanh toán quốc tế trong du lịch	2	1	1		
41	E-Tourism	2	1	1		
42	Kỹ năng bổ trợ	2	1	2		
43	Lễ tân ngoại giao	2	2	1	26	B2, B3.5
II.2	**Kiến thức ngành**	**57**	**27**	**30**		
II.2.1	***Các học phần bắt buộc***	***38***	***21***	***17***		
44	Các tuyến điểm du lịch 1	4	2	2	*31,34*	B3.5,B3.6,C1, C2.1
45	Các tuyến điểm du lịch 2	4	2	2	*39*	B3.5,B3.6,C1, C2.1
46	Nghiệp vụ hướng dẫn 1	3	1	2	*39*	B3.5,B3.6,C1, C2.1
47	Nghiệp vụ hướng dẫn 2	3	1	2	*41*	B3.5,B3.6,C1, C2.1
48	Thiết kế và điều hành Tour du lịch	3	1	2	*42*	B3.5,B3.6,C1, C2.1
49	Quản trị sự kiện và hội nghị	3	2	1	35,39	B3.5,B3.6,C1, C2.1
50	Quản lý điểm đến	3	2	1	30,31,32,34,35	B3.5,B3.6,C1, C2.1,C2.5
51	Quản trị chiến lược trong doanh nghiệp du lịch	3	2	1	32,33	B3.5,B3.6,C1, C2.1

52	Quản trị hãng vận chuyển	3	2	1	43	B3.4,B3.5,C1,C2.1,C2.2
53	Quản trị kinh doanh hãng lữ hành	3	2	1	47	B3.5,B3.6,C1, C2.1
54	Tiếng Anh chuyên ngành lữ hành 1	3	2	1	14,15,16,17,43	B3.5,B3.6,C1, C2.1,C2.5
55	Tiếng Anh chuyên ngành lữ hành 2	3	2	1	49	B3.5,B3.6,C1, C2.1,C2.5
II.2.2	***Các học phần tự chọn***	***9***	***6***	***3***		
56	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng	3	2	1	26,30,46	B3.4,C1,C2.3
57	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	3	2	1	26,30,46	B3.4,C1,C2.3
58	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	3	2	1	26,46	B3.4,C1,C2.3,C2.4
59	Lập kế hoạch kinh doanh du lịch	3	2	1	26,30,46	B3.4,C1,C2.6
60	Khởi nghiệp trong du lịch	3	2	1	26,30,46	C1,C2.3,C2.4,C2.5,C2.6
II.2.3	***Tốt nghiệp***	***10***	***0***	***10***		
61	Chuyên đề tốt nghiệp 1	5	0	5		B3.6,C1,C2
62	Chuyên đề tốt nghiệp 2	5	0	5		B3.6,C1,C2
	Tổng cộng	**145**	**86**	**61**		

IV.3. Phân bổ thời gian giảng dạy

BẢNG KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY THEO HỌC KỲ

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1 (18TC)		**Tổng số tín chỉ học kỳ 1**	**18**
		Học phần bắt buộc	**16**
		Những NL cơ bản của CN Mác – Lênin 1 (Triết học)	2
		Pháp luật đại cương	2
		Ngoại ngữ 1 (Chuẩn TOIEC)	3
		Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh)	1
		Đường lối Cách mạng Đảng Cộng sản Việt Nam	3
		Kinh tế du lịch	3
		Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
		Học phần tự chọn	**2**
		Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2
		Tâm lý học đại cương	2
2 (18TC)		**Tổng số tín chỉ học kỳ 2**	**18**
		Học phần bắt buộc	**15**
		Những NL cơ bản của CN Mác – Lênin 2 (Kinh tế chính trị)	3
		Tin học văn phòng	3
		Toán A	3
		Ngoại ngữ 2 (Chuẩn TOIEC)	3
		Địa lý du lịch	3
		Học phần tự chọn	**3**
		Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
		Kỹ năng bổ trợ	2
		Bơi	1
		Bóng đá	1
3 (19TC)		**Tổng số tín chỉ học kỳ 3**	**19**
		Học phần bắt buộc	16
		Văn hóa du lịch	3
		Đường lối quân sự của Đảng CSVN	3

		Công tác quốc phòng - an ninh	2
		Tâm lý du khách	3
		Ngoại ngữ 3 (Tiếng Anh/Nga/Trung/Nhật/Pháp)	3
		Lịch sử Việt Nam	2
		Học phần tự chọn	**3**
		Du lịch bền vững	2
		Du lịch tôn giáo và tín ngưỡng	2
		Võ thuật	1
		Cầu lông	1
4 (19TC)		**Tổng số tín chỉ học kỳ 4**	**19**
		Học phần bắt buộc	**15**
		Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và CKC	3
		Văn hóa giao tiếp và đạo đức trong du lịch	3
		Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
		Kinh tế học đại cương	3
		Ngoại ngữ 4 (Tiếng Anh/Nga/Trung/Nhật/Pháp)	3
		Học phần tự chọn	**4**
		Phong tục, tập quán và lễ hội truyền thống	2
		Lễ tân ngoại giao	2
		E-Tourism	2
5 (18TC)		**Tổng số tín chỉ học kỳ 5**	**18**
		Học phần bắt buộc	**16**
		Marketing du lịch	3
		Tiếng Anh chuyên ngành lữ hành 1	3
		Đại cương về Quản trị doanh nghiệp du lịch	3
		Các tuyến điểm du lịch 1	4
		Nghiệp vụ hướng dẫn 1	3
		Học phần tự chọn	**2**
		Lịch sử văn minh thế giới	2
		Thanh toán quốc tế trong du lịch	2
6 (18TC)		**Tổng số tín chỉ học kỳ 6**	**18**
		Học phần bắt buộc	**15**

		Các tuyến điểm du lịch 2	4
		Nghiệp vụ hướng dẫn 2	3
		Tiếng Anh chuyên ngành lữ hành 2	3
		Thực hành nghề nghiệp	5
		Học phần tự chọn	**3**
		Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	3
		Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	3
7 (18TC)		**Tổng số tín chỉ học kỳ 7**	**18**
		Học phần bắt buộc	**12**
		Thiết kế và điều hành Tour du lịch	3
		Quản trị hãng vận chuyển	3
		Quản trị sự kiện và hội nghị	3
		Luật du lịch Việt Nam và quốc tế	3
		Học phần tự chọn	**6**
		Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng	3
		Lập kế hoạch kinh doanh du lịch	3
		Khởi nghiệp trong du lịch	3
8 (17TC)		**Tổng số tín chỉ học kỳ 8**	**17**
		Học phần bắt buộc	**17**
		Quản trị kinh doanh hãng lữ hành	3
		Quản lý điểm đến	3
		Quản trị nguồn nhân lực trong du lịch	3
		Quản trị chiến lược trong doanh nghiệp du lịch	3
		Thực tập nghề nghiệp	5

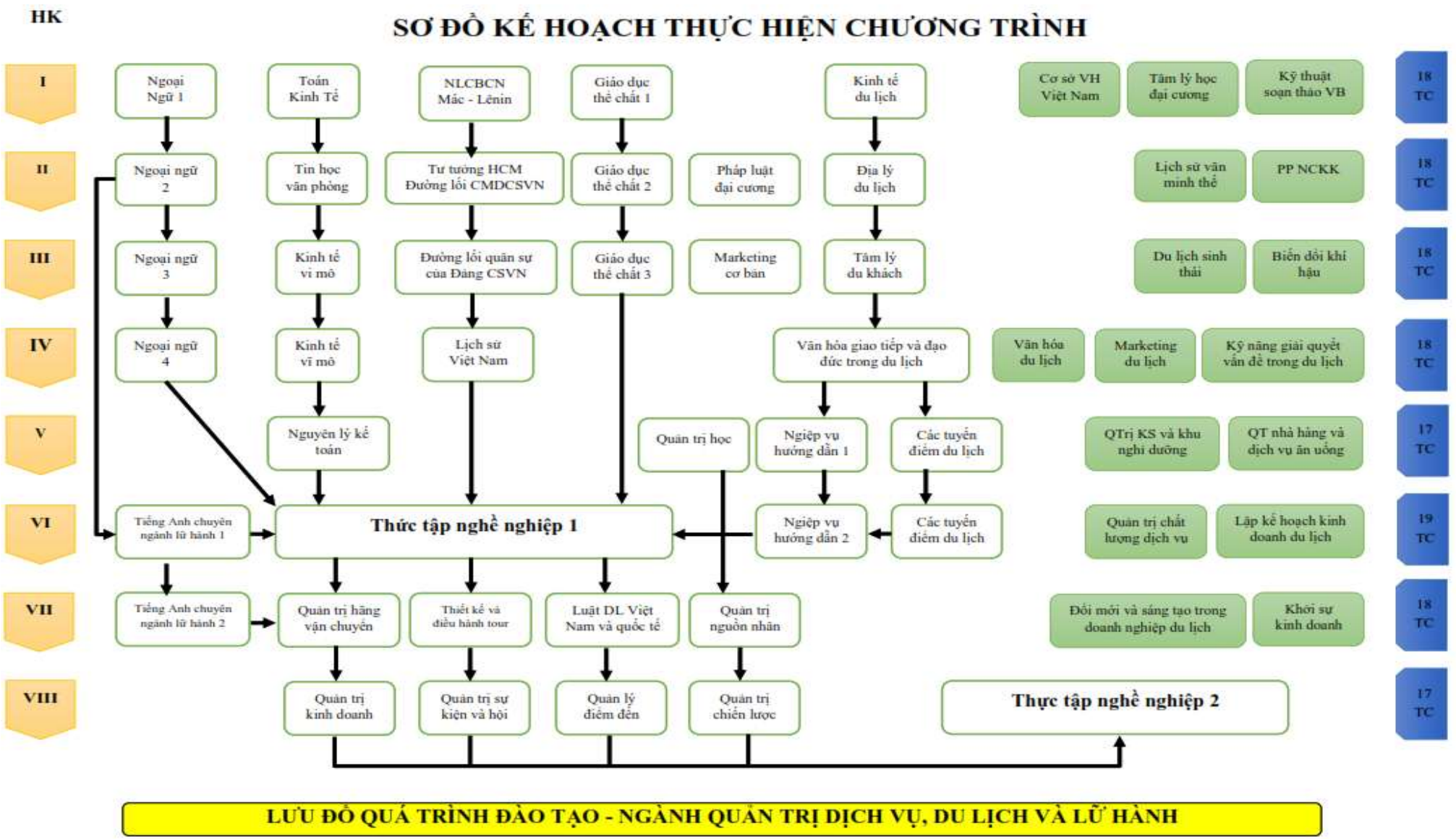

LƯU ĐỒ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO - NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ, DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH

PHẦN II: NỘI DUNG HỢP TÁC VỚI DOANH NGHIỆP ĐỐI TÁC[1]

(Phụ lục 2 kèm theo)

2.1. Danh sách các doanh nghiệp tham gia ký kết hợp tác

- Khách sạn Sheraton Nha trang Hotel & Spa.
- Khu nghỉ dưỡng Six senses Ninh Vân Bay – Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải.
- Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha trang.
- Công ty Ever Blue.
- Công ty cổ phần du lịch Long Phú.
- Intercontinental Nha Trang Hotel.
- Khu nghỉ dưỡng The Anam
- Cam Ranh Rivea Resort
- Amiana Resort Nha Trang
- Swandor Resorts Cam Ranh.

2.2. Nội dung hợp tác (có hợp đồng hợp tác kèm theo)

- **Phía trường ĐH Nha Trang:**
  - Thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nghiệp vụ chuyên môn và cấp chứng chỉ quốc gia cho cán bộ, nhân viên của bên B. Tham gia các hoạt động, sự kiện theo đề nghị của bên B.
  - Thường xuyên cải tiến và cập nhật chương trình đào tạo trên cơ sở tiếp thu ý kiến đóng góp của bên B nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế hoạt động của bên B.
  - Mời bên B trực tiếp tham gia đào tạo, đánh giá kết quả đào tạo của Bên A tại trường Đại học Nha Trang; tham gia nghiên cứu khoa học, hội thảo, hội nghị khoa học.

[1] Thỏa thuận hợp tác với doanh nghiệp là nơi thực hành, thực tập của cơ sở đào tạo; sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị, phần mềm của doanh nghiệp để phục vụ thực hành nhằm nâng cao kỹ năng thực hành, ứng dụng thực tiễn của sinh viên.

Thỏa thuận với doanh nghiệp về việc cử chuyên gia tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thực tập, đánh giá kết quả học tập của sinh viên và tuyển dụng sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Phối hợp dự báo nhu cầu nhân lực của ngành đào tạo về số lượng, yêu cầu chất lượng; phối hợp đầu tư cơ sở vật chất theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường hợp tác công tư, chú trọng xây dựng các cơ sở thực hành, thực tập chất lượng cao, theo chuẩn mực khu vực và quốc tế phục vụ đào tạo nhân lực.

- Phối hợp tổ chức, quản lý các hoạt động của giảng viên trong chương trình đi học tập thực tế tại doanh nghiệp; Các hoạt động của SV khi đi kiến tập, thực tập và các hoạt động khác tại doanh nghiệp.
- Hỗ trợ trong việc tìm kiếm và đào tạo nguồn lao động có trình độ, nghiệp vụ chuyên môn phù hợp với nhu cầu tuyển dụng của bên B.

- **Phía Doanh nghiệp:**
  - Hàng năm, bên B sẽ tiếp nhận và tạo điều kiện cho giảng viên của Nhà trường đến tham quan, học tập nhằm bổ sung kiến thức, kinh nghiệm thực tế tại doanh nghiệp; Tiếp nhận và tạo điều kiện cho SV đến kiến tập, thực tập và tham gia các hoạt động khác tại doanh nghiệp;
  - Tham gia đóng góp ý kiến về chương trình đào tạo chính quy, ngắn hạn và tham dự hội nghị, hội thảo khoa học, nghiên cứu khoa học, hội chợ việc làm thường niên do Nhà trường tổ chức;
  - Tham gia trực tiếp quá trình đào tạo SV và đánh giá kết quả học tập nghề của SV tại trường Đại học Nha Trang;
  - Hướng dẫn, đào tạo nghề cho SV trong thời gian thực tập; sẵn sàng cung cấp thông tin và ưu tiên tuyển dụng SV vào làm việc bán thời gian và làm nhân viên chính thức khi bên B có nhu cầu;
  - Cử chuyên gia có trình độ, tay nghề cao tham gia giảng dạy chính quy, ngắn hạn tại Trường Đại học Nha Trang (khi có nhu cầu);
  - Chỉ đạo các đơn vị thành viên phối hợp thực hiện các chương trình và nội dung hợp tác này.

-

PHẦN III: QUY ĐỊNH VỀ TUYỂN SINH VÀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

(Phụ lục 3 kèm theo)

III.1. Đối tượng tuyển sinh

Theo quy chế tuyển sinh trình độ đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

III.2. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo Quyết định số 623/QĐ-ĐHNT ngày 05/9/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng của Trường Đại học Nha Trang.

Theo Quyết định số 674/QĐ-ĐHNT ngày 11/6/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang ban hành Hướng dẫn thực hiện công tác tốt nghiệp trình độ đại học hệ chính quy của Trường Đại học Nha Trang.

PHẦN IV: ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

(Phụ lục 4 kèm theo)

IV.1. Đội ngũ cán bộ giảng dạy (bao gồm cả chuyên gia ngoài trường)

4.1.1. Danh sách giảng viên thực hiện chương trình

4.1.1.1. Cơ hữu

TT	Họ và tên	Chức danh, học vị	Năm sinh	Học phần phụ trách
1.	Tô Thị Hiền Vinh	GVC, TS	1962	- Tư tưởng Hồ Chí Minh - Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam - Lịch sử văn minh thế giới
2.	Phạm Quang Huy	GVC, ThS	1968	- Những NL cơ bản của CN Mác – Lênin 1 (Triết học) - Những NL cơ bản của CN Mác – Lênin 2 (Kinh tế chính trị)
3.	Trần Thị Lệ Hằng	GV, ThS	1961	- Đường lối cách mạng của ĐCSVN - Tư tưởng HCM
4.	Ngô Văn An	GV, ThS	1980	- Đường lối cách mạng của ĐCSVN - Tư tưởng HCM
5.	Nguyễn Hữu Tâm	GV, TS	1978	- Những NL cơ bản của CN Mác – Lênin 1 (Triết học)
6.	Trần Trọng Đạo	GV, TS	1978	- Đường lối cách mạng của ĐCSVN - Tư tưởng HCM
7.	Dương Thị Thanh Huyền	GV, ThS	1960	- Kỹ thuật soạn thảo văn bản - Cơ sở văn hóa Việt Nam - Lịch sử Việt Nam
8.	Bộ môn Khoa học xã hội và nhân văn			- Tâm lý học đại cương
9.	Bộ môn Giáo dục thể chất			- Giáo dục thể chất
10.	Bộ môn Giáo dục quốc phòng			- Đường lối quân sự của ĐCSVN
11.	Nguyễn Thị Lan	GV, ThS	1979	- Pháp luật đại cương
12.	Lê Việt Phương	GV, ThS	1979	- Pháp luật đại cương
13.	Đỗ Như An	GVC, TS	1961	- Tin học văn phòng

14.	Trần Mạnh Khang	GV, KS	1981	- Tin học văn phòng
15.	Đàm Khánh Hữu Thể	GV, ThS	1985	- Tin học văn phòng
16.	Nguyễn Đình Ái	GVC, ThS	1961	- Toán A
17.	Phạm Gia Hưng	GVC, TS	1963	- Toán A
18.	Võ Nguyễn Hồng Lam	GVC, TS	1976	- Ngoại ngữ 1 - Ngoại ngữ 2
19.	Khoa Ngoại ngữ			- Ngoại ngữ 3
20.	Khoa Ngoại ngữ			- Ngoại ngữ 4
21.	Hoàng Gia Trí Hải	GV, ThS	1982	- Kinh tế học đại cương
22.	Trần Công Tài	GVC, ThS	1960	- Kinh tế học đại cương - Marketing du lịch
23.	Lê Văn Tháp	GV, ThS	1975	- Kinh tế học đại cương
24.	Bùi Bích Xuân	GV, TS	1976	- Kinh tế học đại cương
25.	Nguyễn Thị Kim Anh	PGS, TS	1962	- Quản trị chiến lược trong doanh nghiệp du lịch
26.	Lê Kim Long	PGS, TS	1974	- Quản trị chiến lược trong doanh nghiệp du lịch
27.	Phạm Thế Anh	GV, ThS	1978	- Quản trị nguồn nhân lực trong du lịch
28.	Đặng Hoàng Xuân Huy	GV, ThS	1982	- Địa lý du lịch
29.	Nguyễn Thị Dung	GV, ThS	1984	- Khởi nghiệp trong du lịch
30.	Đỗ Thị Thanh Vinh	PGS, TS	1962	- Quản trị nguồn nhân lực trong du lịch - Tâm lý du khách - Văn hóa giao tiếp và đạo đức trong du lịch - Văn hóa du lịch
31.	Lê Chí Công	GV, TS	1980	- Phương pháp nghiên cứu khoa học - Quản trị chiến lược trong doanh nghiệp du lịch - Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch - Kinh tế du lịch - Quản lý điểm đến
32.	Ninh Thị Kim Anh	GV,Th.S	1977	- Đại cương về Quản trị doanh nghiệp du lịch - Quản trị nguồn nhân lực trong du lịch - Tâm lý du khách

				- Nghiệp vụ hướng dẫn 1,2 - Văn hóa giao tiếp và đạo đức trong du lịch - Văn hóa du lịch
33.	Nguyễn Thị Hồng Đào	GV,Th.S	1983	- Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống - Tiếng Anh chuyên ngành lữ hành 1,2 - Các tuyến điểm du lịch 1,2 - Kinh tế du lịch - Đại cương về Quản trị doanh nghiệp du lịch
34.	Lê Trần Phúc	GV,Th.S	1984	- Đại cương quản trị doanh nghiệp du lịch - Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng - Nghiệp vụ hướng dẫn 1,2 - Các tuyến điểm du lịch 1,2 - Quản trị sự kiện và hội nghị - Khởi nghiệp trong du lịch - Lập kế hoạch kinh doanh du lịch - Quản trị kinh doanh hãng lữ hành - Văn hóa du lịch - Kỹ năng bổ trợ - Tiếng Anh chuyên ngành lữ hành - Du lịch tôn giáo và tín ngưỡng
35.	Phan Thị Kim Liên	GV,Th.S	1984	- Quản trị sự kiện và hội nghị - Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng - Khởi nghiệp trong du lịch
36.	Đoàn Nguyễn Khánh Trân	GV,Th.S	1988	- Kinh tế du lịch - Địa lý du lịch - Thiết kế và điều hành tour du lịch - Quản trị kinh doanh hãng lữ hành - Quản trị kinh doanh hãng vận chuyển - Nghiệp vụ hướng dẫn 1,2 - Luật du lịch Việt Nam và quốc tế
37.	Huỳnh Cát Duyên	GV,Th.S	1989	- Luật du lịch Việt Nam và quốc tế - Thiết kế và điều hành Tour du lịch - Các tuyến điểm du lịch 1,2

				- Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch - Lập kế hoạch kinh doanh du lịch - Thanh toán quốc tế trong du lịch
38.	Nguyễn Thị Huyền Thương	GV,Th.S	1988	- Du lịch sinh thái - Địa lý du lịch - Quản trị sự kiện và hội nghị - Khởi nghiệp trong du lịch - Kỹ năng bổ trợ
39.	Nguyễn Thị Hồng Trâm	GV, Th.S	1983	- Đại cương về Quản trị doanh nghiệp du lịch - Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng - Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống - Kinh tế du lịch - Thanh toán quốc tế trong du lịch
40.	Tạ Thị Vân Chi	GV, Th.S	1987	- Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống - Quản trị sự kiện và hội nghị - Khởi nghiệp trong du lịch
41.	Lê Bá Quỳnh Châu	GV, ThS	1990	- Quản trị tài chính (tiếng Pháp) - Thiết kế và điều hành tour - Địa lý du lịch - Lập kế hoạch kinh doanh du lịch - E_Tourist
42.	Nguyễn Thanh Quảng	GV, ThS	1992	- Các tuyến điểm du lịch 1,2 - Nghiệp vụ hướng dẫn 1,2 - Tiếng Anh chuyên ngành lữ hành - Thiết kế và điều hành tour - Quản lý điểm đến - Du lịch bền vững

4.1.1.2 Chính sách thu hút nhà khoa học trong và ngoài nước tham gia giảng dạy (thỉnh giảng)

TT	Họ và tên	Chức danh học vị	Học phần phụ trách	Đơn vị công tác	Chức vụ
1.	Phan Thị Trúc Vy	Cử nhân	- Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng - Quản trị nguồn nhân lực trong du lịch	Công ty TNHH Begas Chi nhánh Bãi Dài	Giám đốc nhân sự
2.	Nguyễn Bá Khôi	Cử nhân	- Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống. - Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	Swandor Hotel & Resort	F&B Service Manager
3.	Đặng Vinh Hiển	Thạc sỹ	- Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng. - Quản trị nguồn nhân lực trong du lịch - Quản trị chiến lược trong doanh nghiệp du lịch	Khách sạn Azuara	Giám đốc
4.	Cao Văn Đạo	Thạc sỹ	- Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng. - Quản trị nguồn nhân lực trong du lịch. - Quản trị chiến lược trong doanh nghiệp du lịch	Công ty CP. DLTM Nha Trang	Giám đốc
5.	Phạm Tuấn Dũng	Cử nhân	- Văn hóa giao tiếp và đạo đức trong du lịch. - Quản trị nguồn nhân lực trong du lịch.	Sheraton Nha Trang	Phó Tổng GĐ Nhân sự
6.	Trần Minh Đức	Cử nhân	- Nghiệp vụ hướng dẫn 1, 2 - Các tuyến điểm du lịch 1, 2	Công ty CP Du lịch Long Phú	Phó Giám đốc
7.	Nguyễn Thị Ngọc Vân	Cử nhân	- Văn hóa giao tiếp và đạo đức trong du lịch. - Kỹ năng bổ trợ	Khách sạn TTC Premium Michelia	Trưởng phòng nhân sự
8.	Nguyễn Thị Nga	Cử nhân	- Quản trị nguồn nhân lực trong du lịch. - Quản trị chiến lược trong doanh nghiệp du lịch	Khách sạn The Light Nha Trang	Giám đốc

			- Kinh tế du lịch		
9.	Nguyễn Thị Thanh Trang	Cử nhân	- Văn hóa giao tiếp và đạo đức trong du lịch. - Kỹ năng bổ trợ	Công ty TNHH Hồ Tiên – Aminan	Giám đốc nhân sự
10.	Peter Allen	Cử nhân	- Quản trị chiến lược trong doanh nghiệp du lịch - Khởi sự kinh doanh	Eltinn	Đồng Quản Lý (Co-Manager)
11.	Kane Hồ	Cử nhân	- Khởi nghiệp trong du lịch - Tiếng Anh chuyên ngành lữ hành - Marketing du lịch	LivinCollective	Giám đốc
12.	Dru Nguyễn	Cử nhân	- Lập kế hoạch kinh doanh du lịch - Khởi nghiệp trong du lịch - Marketing du lịch - Tiếng Anh chuyên ngành lữ hành	Skylight	Giám đốc Tài chính
13.	TK Nguyễn	Cử nhân	- Khởi nghiệp trong du lịch - Quản trị sự kiện và hội nghị - Marketing du lịch - Tiếng Anh chuyên ngành lữ hành	Skylight	Giám đốc Marketing
14.	Nguyễn Văn Trọng	Cử nhân	- Quản trị nguồn nhân lực trong du lịch. - Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng.	Khách sạn Havana	Phó Giám đốc
15.	Cù Anh Tuấn	Cử nhân	- Thiết kế và điều hành tour du lịch. - Quản lý điểm đến - Tâm lý du khách - Địa lý du lịch	Khu du lịch sinh thái Nhân tâm	Giám đốc điều hành
16.	Nguyễn Hoàng Long	Thạc sỹ	- Thiết kế và điều hành tour du lịch. - Quản lý điểm đến - Tâm lý du khách - Địa lý du lịch	Công ty TNHH Du lịch Mãi Xanh	Giám đốc kinh doanh
17.	Phạm Thị Kim Phượng	Thạc sỹ	- Quản trị nguồn nhân lực trong du lịch. - Đại cương về Quản trị doanh nghiệp du lịch	Six Sense Ninh Vân bay	Trưởng BP Nhân sự

18.	Trần Đại Nguyên	Cử nhân	- Quản trị nguồn nhân lực trong du lịch. - Đại cương về Quản trị doanh nghiệp du lịch	Amanoi	Trưởng phòng Nhân sự
19.	Trần Thị Tâm Giao	Cử nhân	- Quản trị nguồn nhân lực trong du lịch. - Đại cương về Quản trị doanh nghiệp du lịch	Khách sạn Liberty Nha Trang	Trưởng phòng Nhân sự
20.	Trần Ngọc Thanh Huy	Thạc sỹ	- Văn hóa du lịch. - Luật du lịch Việt Nam và quốc tế - Đại cương về Quản trị doanh nghiệp du lịch	Công ty TNHH Hoàng Cầu Nha Trang	Trưởng phòng Hành chính quản trị
21.	Lê Khánh Nhựt	Cử nhân	- Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng.	Diamond Bay Condotel	Trưởng bộ phận lễ tân
22.	Nguyễn Hữu Đại	Cử nhân	- Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng.	Khách sạn Havana	Phó trưởng bộ phận lễ tân
23.	Trần Thị Lý	Cử nhân	- Quản trị chất lượng dịch vụ	Khách sạn Soho	Trưởng phòng Sales
24.	Nguyễn Văn Pháp	Cử nhân	- Quản trị chất lượng dịch vụ	Khách sạn Calm sea	Trưởng Bộ phận lễ tần
25.	Nguyễn Ngọc Hải	Thạc sỹ	- Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống - Quản trị chất lượng dịch vụ	Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	Giám đốc
26.	Trần Văn Tùng	Thạc sỹ	- Quản trị nguồn nhân lực trong du lịch. - Đại cương về Quản trị doanh nghiệp du lịch	Khách sạn Mường Thanh, Nha Trang	Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh
27.	Phạm Xuân Quang	Thạc sỹ	- Quản trị nguồn nhân lực trong du lịch. - Đại cương về Quản trị doanh nghiệp du lịch	Khách sạn StarCity (290 phòng)	Trưởng phòng nhân sự

4.1.1.3 Xếp theo học phần

TT	Tên học phần	Họ và tên	C.danh, Học vị	Năm sinh
1.	Những NL cơ bản của CN Mác – Lênin 1 (Triết học)	BM Lý luận chính trị		
2.	Những NL cơ bản của CN Mác – Lênin 2 (Kinh tế chính trị)	BM Lý luận chính trị		
3.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BM Lý luận chính trị		
4.	Đường lối Cách mạng ĐCSVN	BM Lý luận chính trị		
5.	Lịch sử Việt Nam	BM KHXH và NV		
6.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	BM Kinh tế học		
7.	Pháp luật đại cương	BM KHXH và NV		
8.	Tâm lý học đại cương	BM KHXH và NV		
9.	Lịch sử văn minh thế giới	BM KHXH và NV		
10.	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	BM KHXH và NV		
11.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	BM KHXH và NV		
12.	Toán A	BM Toán		
13.	Tin học văn phòng	BM Hệ thống thông tin		
14.	Du lịch bền vững	Nguyễn Thanh Quảng	Ths	1992
15.	Du lịch tôn giáo và tín ngưỡng	Lê Trần Phúc	Ths	1984
16.	Ngoại ngữ 1	BM Biên phiên dịch		
17.	Ngoại ngữ 2	BM Biên phiên dịch		
18.	Ngoại ngữ 3	BM Biên phiên dịch		
19.	Ngoại ngữ 4	BM Biên phiên dịch		
20.	Giáo dục thể chất	BM Giáo dục thể chất		
21.	Đường lối quân sự của Đảng CSVN	BM GDQP		
22.	Công tác quốc phòng - an ninh	BM GDQP		
23.	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và CKC	BM GDQP		
24.	Bóng đá	BM Giáo dục thể chất		
25.	Bóng chuyền	BM Giáo dục thể chất		
26.	Cầu lông	BM Giáo dục thể chất		
27.	Võ thuật	BM Giáo dục thể chất		
28.	Bơi lội	BM Giáo dục thể chất		
29.	Tâm lý du khách	Đỗ Thị Thanh Vinh	PGS, TS	1962
		Ninh Thị Kim Anh	GV, ThS	1977
30.	Văn hóa giao tiếp và đạo đức trong	Đỗ Thị Thanh Vinh	PGS, TS	1962

	du lịch	Ninh Thị Kim Anh	GV, ThS	1977
31.	Kinh tế học đại cương	Hoàng Gia Trí Hải	GV, ThS	1982
		Trần Công Tài	GVC, ThS	1959
		Bùi Bích Xuân	GV, TS	1975
		Tăng Thị Hiền	GV, ThS	1983
32.	Văn hóa du lịch	Đỗ Thị Thanh Vinh	PGS, TS	1962
		Ninh Thị Kim Anh	GV, ThS	1977
		Lê Trần Phúc	GV, ThS	1984
33.	Marketing du lịch	Lê Trần Phúc	GV, ThS	1984
		Trần Công Tài	GVC, ThS	1959
34.	Luật du lịch Việt Nam và thế giới	Đoàn Nguyễn Khánh Trân	GV, ThS	1988
		Huỳnh Cát Duyên	GV, ThS	1989
35.	Kinh tế du lịch	Lê Chí Công	GV, TS	1980
		Nguyễn Thị Hồng Đào	GV, ThS	1983
		Đoàn Nguyễn Khánh Trân	GV, ThS	1988
		Nguyễn Thị Hồng Trâm	GV, ThS	1983
36.	Đại cương về Quản trị doanh nghiệp du lịch	Ninh Thị Kim Anh		
		Lê Trần Phúc	GV, ThS	1984
		Nguyễn Thị Hồng Đào	GV, ThS	1983
		Nguyễn Thị Hồng Trâm	GV, ThS	1983
37.	Địa lý du lịch	Đặng Hoàng Xuân Huy	GV, ThS	1982
		Nguyễn Thị Huyền Thương	GV, ThS	1988
		Đoàn Nguyễn Khánh Trân	GV, ThS	1988
		Lê Bá Quỳnh Châu	GV, ThS	1990
38.	Quản trị nguồn nhân lực trong du lịch	Đỗ Thị Thanh Vinh	PGS, TS	1962
		Ninh Thị Kim Anh	GV, ThS	1977
		Phạm Thế Anh	GV, ThS	1978
39.	Phong tục, tập quán và lễ hội truyền thống	Lê Trần Phúc	GV, ThS	1984
		Nguyễn Thanh Quảng	GV, ThS	1992
40.	Thanh toán quốc tế trong du lịch	Nguyễn Thị Hồng Trâm	GV, ThS	1983
		Huỳnh Cát Duyên	GV, ThS	1989
41.	E-Tourism	Lê Bá Quỳnh Châu	GV, ThS	1990
42.	Kỹ năng bổ trợ	Lê Trần Phúc	GV, ThS	1984
		Nguyễn Thị Huyền Thương	GV, ThS	1988
43.	Lễ tân ngoại giao	Lê Trần Phúc	GV, ThS	1984
		Phan Thị Kim Liên	GV, Th.S	1984
44.	Các tuyến điểm du lịch 1	Huỳnh Cát Duyên	GV, ThS	1989
		Lê Trần Phúc	GV, ThS	1984
		Nguyễn Thanh Quảng	GV, ThS	1992

45.	Các tuyến điểm du lịch 2	Huỳnh Cát Duyên	GV, ThS	1989
		Lê Trần Phúc	GV, ThS	1984
		Nguyễn Thanh Quảng	GV, ThS	1992
46.	Nghiệp vụ hướng dẫn 1	Lê Trần Phúc	GV, ThS	1984
		Ninh Thị Kim Anh	GV, ThS	1977
		Đoàn Nguyễn Khánh Trân	GV, ThS	1988
		Nguyễn Thanh Quảng	GV, ThS	1992
47.	Nghiệp vụ hướng dẫn 1	Lê Trần Phúc	GV, ThS	1984
		Ninh Thị Kim Anh	GV, ThS	1977
		Đoàn Nguyễn Khánh Trân	GV, ThS	1988
		Nguyễn Thanh Quảng	GV, ThS	1992
48.	Thiết kế và điều hành Tour du lịch	Huỳnh Cát Duyên	GV, ThS	1989
		Nguyễn Thanh Quảng	GV, ThS	1992
		Đoàn Nguyễn Khánh Trân	GV, ThS	1988
		Lê Bá Quỳnh Châu	GV, ThS	1990
49.	Quản trị sự kiện và hội nghị	Phan Thị Kim Liên	GV, ThS	1984
		Tạ Thị Vân Chi	GV, ThS	1987
		Lê Trần Phúc	GV, ThS	1984
50.	Quản lý điểm đến	Lê Chí Công	GV, TS	1980
		Nguyễn Thanh Quảng	GV, ThS	1992
51.	Quản trị chiến lược trong doanh nghiệp du lịch	Nguyễn Thị Kim Anh	PGS, TS	1962
		Lê Kim Long	GV, TS	1974
		Lê Chí Công	GV, TS	1980
52.	Quản trị hãng vận chuyển	Đoàn Nguyễn Khánh Trân	GV, ThS	1988
		Nguyễn Thanh Quảng	GV, ThS	1992
53.	Quản trị kinh doanh hãng lữ hành	Đoàn Nguyễn Khánh Trân	GV, ThS	1988
		Lê Trần Phúc	GV, ThS	1984
54.	Tiếng Anh chuyên ngành lữ hành 1	Lê Trần Phúc	GV, ThS	1984
		Nguyễn Thanh Quảng	GV, ThS	1992
55.	Tiếng Anh chuyên ngành lữ hành 2	Lê Trần Phúc	GV, ThS	1984
		Nguyễn Thanh Quảng	GV, ThS	1992
56.	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng	Lê Trần Phúc	GV, ThS	1984
		Nguyễn Thị Hồng Trâm	GV, ThS	1984
		Phan Thị Kim Liên	GV, ThS	1984
57.	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	Nguyễn Thị Hồng Đào	GV, ThS	1983
		Nguyễn Thị Hồng Trâm	GV, ThS	1984
		Tạ Thị Vân Chi	GV, ThS	1987
58.	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	Lê Chí Công	GV, TS	1980
		Huỳnh Cát Duyên	GV, ThS	1989

59.	Lập kế hoạch kinh doanh du lịch	Lê Trần Phúc	GV, ThS	1984
		Huỳnh Cát Duyên	GV, ThS	1989
		Lê Bá Quỳnh Châu	GV, ThS	1990
60.	Khởi nghiệp trong du lịch	Phan Thị Kim Liên	GV, Th.S	1984
		Nguyễn Thị Dung	GV, ThS	1984
		Tạ Thị Vân Chi	GV, ThS	1987
		Nguyễn Thị Huyền Thương	GV, ThS	1988
		Lê Trần Phúc	GV, ThS	1984
61.	Chuyên đề tốt nghiệp 1	Bộ môn QTDL		
62.	Chuyên đề tốt nghiệp 2	Bộ môn QTDL		

IV.2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo

4.2.1. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập

4.2.1.1. Các phương tiện, thiết bị giảng dạy lý thuyết

Phòng học được trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị dạy và học (âm thanh, chiếu sáng, máy chiếu, bảng viết, thông gió ....) đạt tiêu chuẩn và đảm bảo đủ chỗ ngồi cho người học.

Số TT	**Loại phòng học** ***(Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính…)***	**Số lượng**	**Diện tích (m^2)**	**Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy**		
				Tên thiết bị	**Số lượng**	**Phục vụ học phần/môn học**
1	Phòng học, giảng đường	85	25.944	- Projector - Âm thanh (bộ)	85 85	Tất cả các môn học lý thuyết
2	Phòng học đa phương tiện	01	120	- Máy tính - Projector - Âm thanh (bộ) - Camera	40 01 01 02	Tất cả các môn học lý thuyết và đào tạo từ xa
3	Phòng học ngoại ngữ	01	220	Máy tính có trang bị âm thanh chuẩn	40	Phục vụ các môn học ngoại ngữ
4	Phòng máy tính	10	1212	Máy tính cá nhân	1300	Tất cả các môn học có thực hành mô phỏng hoặc thao tác trực tiếp trên máy tính

4.2.1.2. Tài liệu

TT	Tên học phần	Giáo trình/Tài liệu	Tác giả	Năm XB	Nhà xuất bản
1.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Giáo trình môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2009	Chính trị quốc gia
		Giáo trình môn Triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2006	Chính trị quốc gia
		Giáo trình Triết học Mác - Lênin	Hội đồng TW	1999	Chính trị quốc gia
		Những chuyên đề Triết học	Nguyễn Thế Nghĩa	2007	Khoa học Xã hội
		Từ điển Triết học giản yếu	Hữu Ngọc, Dương Phú Hiệp, Lê Hữu Tầng	1987	ĐH & THCN
		Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin.	Bộ Giáo dục & Đào tạo.	2009	Chính trị quốc gia
		Giáo trình kinh tế chính trị Mác – Lênin.	Bộ Giáo dục & Đào tạo.	2006	Chính trị quốc gia
		Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học.	Bộ Giáo dục & Đào tạo.	2006	Chính trị quốc gia
2.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	Giáo trình kinh tế chính trị	Bộ giáo dục đào tạo	2006	Chính trị quốc gia
		Một số định hướng đẩy mạnh CNH,HĐH ở Việt Nam giai đoạn 2001- 2010	Nguyễn xuân Dũng	2002	Khoa học xã hội, Hà Nội
3.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (dùng trong các trường Đại học, Cao đẳng)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2009	Chính trị quốc gia
		Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh	Hội đồng TW	2003	Chính trị quốc gia
		Chủ tịch Hồ Chí Minh - Tiểu sử và sự nghiệp	Ban nghiên cứu LSĐ Trung ương	2002	Chính trị quốc gia
		Những tên gọi, bí danh, bút danh của Chủ tịch Hồ Chí Minh	Bảo tàng Hồ Chí Minh	2003	Chính trị quốc gia
		Hồ Chí Minh ở Pháp năm 1946	Bảo tàng cách mạng Việt Nam	1995	Hà Nội

		Tìm hiểu phương pháp Hồ Chí Minh	Hoàng Chí Bảo	2002	Chính trị quốc gia
		Đồng chí Hồ Chí Minh	E. Côbêlep	1985	Tiến bộ, Matxcova
		Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam	Võ Nguyên Giáp	1997	Chính trị quốc gia
		Tư tưởng Hồ Chí Minh với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam	Vũ Văn Hiền, Đinh Xuân Lý	2003	Chính trị quốc gia
		Toàn tập (12 tập)	Hồ Chí Minh	1997	Chính trị quốc gia
		Biên niên tiểu sử	Hồ Chí Minh	1997	Chính trị quốc gia
		Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh	Lê Hữu Nghĩa	2000	Lao động
		Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh	Nguyễn Duy Niên	2002	Chính trị quốc gia
		Tập bài giảng tư tưởng Hồ Chí Minh	Học viện Chính trị quốc gia HCM	2001	Chính trị quốc gia
		Sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc (1911 - 1945)	Nguyễn Đình Thuận	2002	Chính trị quốc gia
		Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam	Mạnh Quang Thắng	1995	Chính trị quốc gia
		Chủ tịch Hồ Chí Minh với việc giải quyết vấn đề dân tộc dân chủ trong cáh mạng Việt Nam (1930 - 1954)	Chu Đức Tính	2001	Chính trị quốc gia
		Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước kiểu mới ở Việt Nam	Nguyễn Anh Tuấn	2003	ĐHQG TP HCM
		Tìm hiểu thân thế - sự nghiệp và tư tưởng Hồ Chí Minh	Hoàng Trang - Nguyễn Khánh Bật	2000	Chính trị quốc gia
		Nguyễn Ái Quốc tại PaRis (1917-1923)	Thu Trang	2002	Chính trị quốc gia
		Hoạt động ngoại giao của chủ tịch Hồ Chí Minh từ 1954 đến 1969	Trần Minh Trưởng	2005	CA nhân dân
		Nguyễn Ái Quốc với việc truyền bá	Phạm Xanh	1990	Thông tin lý

		chủ nghĩa Mác - Lênin ở Việt Nam (1921 - 1930)			luận
4.	Đường lối Cách mạng Đảng Cộng sản Việt Nam	Giáo trình đường lối cách mạng của Đảng Cộng sảnViệt Nam	Bộ giáo dục và đào tạo	2009	Chính trị quốc gia
		Văn kiện đảng thời kỳ đổi mới (VI, VII, VIII, IX, X)	Đảng cộng sản Việt Nam	1987, 2005, 2006	Chính trị quốc gia
		Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	Đảng cộng sản Việt Nam	1991	Sự thật Hà Nội
		Giáo trình kinh tế chính trị	Bộ giáo dục đào tạo	2006	Chính trị quốc gia
		Một số định hướng đẩy mạnh CNH,HĐH ở Việt Nam giai đoạn 2001- 2010	Nguyễn xuân Dũng	2002	Khoa học xã hội, Hà Nội
		Một số chuyên đề đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	Đại học quốc gia HN	2008	LLCT
		Chương trình môn học đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	Bộ giáo dục và đào tạo	2008	BGDĐT
		Quá trình vận động thành lập Đảng cộng sản Việt Nam	Đinh Xuân Lý	2008	Sự thật
		Bản án chế độ thực dân Pháp	Nguyễn Ái Quốc	2009	Trẻ
5.	Lịch sử Việt Nam	Đại cương lịch sử Việt Nam tập 1, 2, 3	Trương Hữu Quýnh, Phan Đại Doãn, Nguyễn Cảnh Minh	NXB Giáo dục, 2005	Thư viện
		Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Quốc Vượng	NXB Giáo dục	Thư viện
6.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	2003	Khoa học & KT
		Nghiên cứu khoa học trong quản trị kinh doanh	Nguyễn Đình Thọ và Nguyễn Thị Mai Trang	2009	Thống kê
		Phương pháp viết báo cáo tốt nghiệp	Đặng Kim Cương	2008	Giao thông Vận tải

		Phương pháp nghiên cứu khoa học	Nguyễn Bảo Vệ, Nguyễn Huy Tài	2009	Viện NC Kinh tế phát triển, ĐH Kinh tế TPHCM
		Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	Nguyễn Đình Thọ	2011	Lao động – Xã hội
		Phương pháp và phương pháp luận nghiên cứu khoa học kinh tế	Nguyễn Thị Cành	2004	ĐHQG TP.HCM
		Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS	Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc	2005	Thống kê
		Longman preparation series for the New TOEIC test	Lin Lougheed	2008	Longman
7.	Pháp luật đại cương	Bài giảng	Nguyễn Thị Lan	2008	Lưu hành nội bộ
		Bài giảng	Lê Việt Phương	2009	Lưu hành nội bộ
		Pháp luật Việt Nam đại cương	Đinh Văn Mậu	2003	Chính trị Quốc gia
		Pháp luật đại cương	Lê Minh Toàn	2008	Chính trị Quốc gia
8.	Tâm lý học đại cương	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn	2001	ĐHQGHN
		Tâm lý học y học	Nguyễn Văn Nhận		Y học
		Tâm lý học QTKD	Thái Trí Dũng	2004	Thống kê
		Tâm lý học lao động	Đào Thị Oanh	2003	ĐHQG HN
9.	Lịch sử văn minh thế giới	Lịch sử văn minh thế giới	Vũ Dương Ninh	NXB Giáo dục	Thư viện
10.	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	Tiếng Việt thực hành (Q1)	Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp	2004 Tái bản	Giáo dục
		Tiếng Việt thực hành (Q2)	Bùi M. Toán,	2002	Giáo dục

			Lê A, Đỗ V. Hùng	Tái bản	
		Bài giảng, BT thực hành VBKH	Dương Thanh Huyền	Hàng kì/năm	TTTL Trường
		Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt	Trần Ngọc Thêm	1985	KHXH
		Kỹ thuật xây dựng và ban hành văn bản quản lý hành chính nhà nước	Lưu Kiếm Thanh, Nguyễn Văn Thâm	2001	Học viện HCQG
11.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Cơ sở văn hóa VN	Trần Ngọc Thêm	2006	Giáo dục
		Cơ sở văn hóa VN	Trần Quốc Vượng	2002	Giáo dục
		Bản sắc văn hóa VN	Phan Ngọc	2002	VHTT
12.	Toán A	Mô hình toán kinh tế	Nguyễn Quang Dong, Ngô Văn Thứ, Hoàng Đình Tuấn	2006	Giáo dục
		Toán kinh tế	Nguyễn Quảng, Nguyễn Thượng Thái	2007	Học viện CN Bưu chính VT-Lưu hành nội bộ
		Quy hoạch tuyến tính	Đặng Hấn	1995	ĐHKT TP. HCM
		Tối ưu tuyến tính	Trần Vũ Thiệu	2004	ĐHQG Hà Nội
		Mô hình toán kinh tế	Nguyễn Quang Dong, Ngô Văn Thứ, Hoàng Đình Tuấn	2006	Giáo dục
		Lý thuyết mô hình toán kinh tế	Hoàng Đình Tuấn	2007	ĐHKTQD Hà Nội
		Một số phương pháp tối ưu trong kinh tế	Tô Cẩm Tú	1997	KH và KT
		Vận trù học	Phan Quốc Khánh	2002	Giáo dục
13.	Tin học văn	Bài giảng Tin học cơ sở (Lý	BM Kỹ thuật	2011	ĐH Nha

	phòng	thuyết)	phần mềm		Trang
		Thực hành Tin học cơ sở	BM Kỹ thuật phần mềm	2011	ĐH Nha Trang
		Giáo trình Windows XP, MS. Word, MS. Excel, MS. Power Point	Nguyễn Đình Thuân	2008	ĐH Nha Trang
		Hướng dẫn sử dụng Internet	Nguyễn Thành Cương	2007	Thống kê
14.	Du lịch bền vững				
15.	Du lịch tôn giáo và tín ngưỡng	Tìm hiểu một số phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo các dân tọc vùng Nam Trung Bộ	Ths. Đặng Văn Hường	2014	Quân đội nhân dân
		Tìm hiểu một số phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo các dân tọc vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng Sông Cửu Long	Ths. Đặng Văn Hường	2014	Quân đội nhân dân
		Tìm hiểu một số phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo các dân tọc vùng Tây Nguyên	Ths. Đặng Văn Hường	2014	Quân đội nhân dân
16.	Ngoại ngữ 1	Effective for English communication (student's book)	IIG Vietnam	2010	ĐH Nha Trang
		Effective for English communication (workbook)	IIG Vietnam	2010	ĐH Nha Trang
		Starter TOEIC	Anne Taylor & Casey Malarcher	2007	Compass Media Inc.
		Longman preparation series for the New TOEIC test	Lin Lougheed	2008	Longman
17.	Ngoại ngữ 2	Effective for English communication (student's book)	IIG Vietnam	2010	ĐH Nha Trang
		Effective for English communication (workbook)	IIG Vietnam	2010	ĐH Nha Trang
		Developing skills for the TOEIC Test	Paul Edmunds – Anne Taylor	2007	Compass Media Inc.
		Starter TOEIC	Anne Taylor & Casey Malarcher	2007	Compass Media Inc.

		Longman preparation series for the New TOEIC test	Lin Lougheed	2008	Longman
18.	Ngoại ngữ 3				
19.	Ngoại ngữ 4				
20.	Giáo dục thể chất	Bài giảng môn học Điền kinh	Nguyễn hữu Tập, Phù quốc Mạnh		
		Bài giảng	Trần Văn Tự	2009	Lưu hành nội bộ
		Giáo trình Giáo dục thể chất	Theo quy định		
21.	Đường lối quân sự của Đảng Cộng sản Việt Nam	Giáo trình Giáo dục Quốc phòng – An ninh	Bộ GD&ĐT	2008	Giáo dục
		Biển, Đại dương và chủ quyền biển ,đảo VN	Bộ GD&ĐT	2012	Giáo dục
		Từ điển bách khoa quân sự Việt Nam	Nhóm tác giả	2004	Quân đội nhân dân
		Giáo trình Giáo dục An ninh- Trật tự	Nhóm tác giả	2012	Giáo dục
		Các văn bản hiện hành về GDQP-AN và công tác quốc phòng trong ngành GDĐT	Nhóm tác giả	2010	Quân đội nhân dân
22.	Công tác quốc phòng - an ninh	Bài giảng	Hoàng Anh Bảy	2008	Lưu hành nội bộ
23.	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và CKC	Giáo trình Giáo dục quốc phòng	Theo quy định		
24.	Giáo dục thể chất 2	Bài giảng	Trần Văn Tự	2009	Lưu hành nội bộ
		Giáo trình Giáo dục thể chất	Theo quy định	2009	Lưu hành nội bộ
		Bài giảng môn học Bóng đá	Doãn văn Hương, Phù quốc Mạnh	2009	Lưu hành nội bộ
		Giáo án huấn luyện đội tuyển Bóng đá trường Đại học Nha Trang	Doãn văn Hương	2009	Lưu hành nội bộ

		Bài giảng môn học Bơi lội	Nguyễn hồ Phong	2009	Lưu hành nội bộ
		Bài giảng môn học Bóng chuyền	Trần văn Tự	2009	Lưu hành nội bộ
		Bài giảng môn học Cầu lông	Trương Hoài Trung	2009	Lưu hành nội bộ
		Bài giảng môn học Taekwondo	Giang Thị Thu Trang	2009	Lưu hành nội bộ
		Vận trù học	Phan Quốc Khánh	2002	Giáo dục
25.	Tâm lý du khách	Tâm lý khách du lịch	Hồ Lý Long	2009	Lao động
		Cẩm nang hướng dẫn viên du lịch	Trần Văn Mậu	2010	Giáo dục
		Bài giảng Tâm lý du khách và phương pháp hướng dẫn du lịch	Ninh Thị Kim Anh	2010	Lưu hành nội bộ
26.	Văn hóa giao tiếp và đạo đức trong du lịch	Ứng xử văn hoá trong du lịch	Trần Thuý Anh	NXB Đại học Quốc gia 2010	Hà Nội
		Bộ Quy tắc ứng xử toàn cầu về đạo đức trong du lịch của UNWTO	UNWTO	1999	
27.	Kinh tế học đại cương	Kinh tế học vi mô	David Begg; Stanley Fischer & Rudiger Dornbusch	2007	Thống kê
		Kinh tế học vi mô. Câu hỏi – bài tập – trắc nghiệm Kinh tế vi mô	Nguyễn Như Ý Trần Thị Bích Dung Trần Bá Thọ Nguyễn Hoàng Bảo	2007	Lao động – xã hội
		Kinh tế học vi mô	Bộ giáo dục và đào tạo	2001	Giáo Dục
		Nguyên lý kinh tế học: Tập 1	N.Gregory Mankiw	2003	Thống kế
28.	Văn hóa du	Giáo trình Văn hoá du lịch	Hoàng Văn	2014	Tp Hồ Chí

	lịch		Thành		Minh
		Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Quốc Vượng	2010	Thư viện
29.	Marketing du lịch	Giáo trình Marketing Du lịch	Nguyễn Văn Mạnh, Trần Đình Hòe	2008	Thống kê
		Progress in tourism marketing	Edited by Metin Kozak and Luisa Andreu.	2006	Amsterdam Oxford: Elsevier
		Chiến lược và chiến thuật quảng bá Marketing du lịch	Nguyễn Văn Dung	2011	Giao thông vận tải
		Luật du lịch	Quốc hội nước cộng hòa XHCN Việt Nam	2005	Chính trị Quốc gia
30.	Luật du lịch Việt Nam và quốc tế	Cẩm nang nghiệp vụ tiếp thị du lịch & quy định pháp luật mới về kinh doanh du lịch, nhà hàng, khách sạn	Trần Ngọc Nam	2009	Lao động – Xã hội
		Luật du lịch	Quốc hội nước cộng hòa XHCN Việt Nam	2005	Chính trị Quốc gia
31.	Kinh tế du lịch	Giáo trình Kinh tế du lịch	Nguyễn Văn Đính	2004	Lao động – Xã hội
		Kinh tế Du lịch	Nguyễn Hồng Giáp	2002	Trẻ
		Kinh tế Du lịch	Dennis L.Foster Phạm Khắc Thông (chủ biên), Trần Đình Hải (biên dịch)	2001	Thống kê
		Bài giảng Kinh tế du lịch	Lê Chí Công	2015	Lưu hành nội bộ
32.	Đại cương về Quản trị doanh nghiệp	Giáo trình quản trị học	Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị	2006	Giao thông vận tải – Hà nội

	du lịch		Ngọc Huyền và những người khác		
		Principles of Management	M. Carpenter, T. Bauer, B. Erdogan	2009	Flat World Knowledge
33.	Địa lý du lịch	Di sản thế giới ở Việt Nam	Tổng cục Du lịch VN	2008	Trẻ
		Địa lý du lịch	Nguyễn Minh Tuệ	2006	Tp HCM
		Di sản thế giới ở Việt Nam	Nguyễn Minh Tuệ	2008	TpHCM
		Bài giảng Địa lý du lịch	Đặng Hoàng Xuân Huy	2015	Lưu hành nội bộ
34.	Quản trị nguồn nhân lực trong du lịch	Quản trị nhân sự	Nguyễn Thanh Hội	1999	Thống kê
		Bài giảng Quản trị nhân lực	Đỗ Thị Thanh Vinh	2015	Lưu hành nội bộ
		Giáo trình Quản trị nhân lực	Nguyễn Văn Điềm & Nguyễn Ngọc Quân	2004	Lao động – Xã hội
		Quản trị nhân lực	Trần Kim Dung	2006	Tp HCM
35.	Phong tục, tập quán và lễ hội truyền thống	Tìm hiểu một số phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo các dân tọc vùng Nam Trung Bộ	Ths. Đặng Văn Hường	2014	Quân đội nhân dân
		Tìm hiểu một số phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo các dân tọc vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng Sông Cửu Long	Ths. Đặng Văn Hường	2014	Quân đội nhân dân
		Tìm hiểu một số phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo các dân tọc vùng Tây Nguyên	Ths. Đặng Văn Hường	2014	Quân đội nhân dân
36.	Thanh toán quốc tế trong du lịch	Giáo trình thanh toán quốc tế trong du lịch	TS. Trần Thị Minh Hòa	2006	Đại học Kinh tế quốc dân
37.	E-Tourism	E Tourism: Information technology for strategic tourism	Dimitrios Buhalis	2003	Prentice Hall

		management			
		Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành	Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương,	2012	Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân
38.	Kỹ năng bổ trợ	Kỹ năng thuyết trình	TS. Hồ Thanh Mỹ Phương	2007	Đại học An Giang
		Nghệ thuật xử thế	Dale Carnegie	2017	Thanh niên
		Xây dựng nhóm làm việc hiệu quả Cẩm nang kinh doanh Harvard	Trần Bích Nga	2012	Tổng hợp Tp. HCm
		17 nguyên tắc vàng làm việc nhóm	John C. Maxwell	2010	Lao động
39.	Lễ tân ngoại giao	Tài liệu tập huấn Lễ tân ngoại giao	Nguyễn Mạnh Cường	2015	Học viện ngoại giao
40.	Các tuyến điểm du lịch 1,2	Tuyến điển du lịch Việt Nam	Bùi Thị Hải Yến	2010	Giáo dục
		Non nước Việt Nam	Vũ Thế Bình	2010	Lao động
		Giáo trình tuyến điểm du lịch	Bùi Thị Hải Yến	2006	Giáo dục
41.	Nghiệp vụ hướng dẫn 1,2	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	Đinh Trung Kiên	2010	ĐHQG Hà Nội
		Giáo trình hướng dẫn du lịch	Nguyễn Văn Đính, Phạm Hồng Chương	2005	NXB Thống kê
		Để trở thành hướng dẫn viên du lịch giỏi	Nguyễn Văn Quảng		NXB Trẻ
		101 tình huống đối với hướng dẫn viên du lịch	Nguyễn Cường Hiền		NXB Văn hóa dân tộc Hà Nội
		Tour Guiding entry level	VTOS	2012	ĐHQG Hà Nội
42.	Thiết kế và điều hành tour	Quản trị hãng lữ hành	Nguyễn Quốc Nam	2006	Đại học Kinh tế Tp.HCM
		Giáo trình Quản trị kinh doanh lữ hành	Nguyễn Văn Mạnh (chủ	2006	Khoa học và Kỹ thuật

			biên)		
		Marketing trong lĩnh vực lữ hành và khách sạn	Alastair M.Morrison	2008	
		Bài giảng Thiết kế và điều hành Tour du lịch	Huỳnh Cát Duyên	2015	Lưu hành nội bộ
43.	Quản trị sự kiện và hội nghị	Professional Event Coordination	Julia Rutherford Silvers	2004	John Wiley & Sons
		Tổ chức sự kiện: Sách chuyên khảo	Lưu Văn Nghiêm, Dương Hoài Bắc	2009	Đại học Kinh tế Quốc dân
		Bài giảng Quản trị sự kiện và hội nghị	Phan Thị Kim Liên	2015	Lưu hành nội bộ
44.	Quản lý điểm đến	Destination Marketing and Management: Theories and Applications	Youcheng Wang Abraham Pizam	2011	CABI Head Offi ce Nosworthy Way Wallingford Oxfordshire OX10 8DE
		Tourism, Principles and Practice	Cooper, C., Fletcher, J., Fyall, A., Gilbert, D., & Wanhill, S.	2005	Pearson Education Limited
		Tourism Management	Dave Weaver & Laura Lawton,	2006	John Wiley & Sons Australia, LTD
45.	Quản trị chiến lược trong doanh nghiệp du lịch	Quản trị chiến lược trong kinh tế toàn cầu	Phạm Thu Hương	2006	Chính trị quốc gia
		Chiến lược và chính sách kinh doanh	Nguyễn Thị Liên Diệp, Phạm Văn Nam	2008	Thống kê
		Bài giảng Quản trị chiến lược	Lê Chí Công	2015	Lưu hành nội bộ
46.	Quản trị hãng	First Class: An Introduction to	McGraw-Hill	1994	Thư viện

	vận chuyển	travel and tourism			
		Airport planning & management	Alexander T .Well & Seth B.Young	2008	Thư viện
47.	Quản trị kinh doanh hãng lữ hành	Giáo trình Quản trị kinh doanh lữ hành	PGS.TS Nguyễn Văn Mạnh (chủ biên)	2006	Khoa học và Kỹ thuật
		International travel and tourism	Donald E. Lundberg, Carolyn B. Lundberg	2009	Thư viện
		Bài giảng Quản trị kinh doanh hãng lữ hành	Đoàn Nguyễn Khánh Trân	2015	Lưu hành nội bộ
48.	Tiếng Anh chuyên ngành lữ hành 1,2	English for Tourism (Bộ giáo trình Tiếng Anh Du lịch)	Tổng cục du lịch	2012	Thư viện
		Bài giảng tiếng Anh chuyên ngành lữ hành	Phan Thị Kim Liên	2015	Lưu hành nội bộ
49.	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng	Quản trị kinh doanh khách sạn	Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương, Trần Thị Minh Hòa	2008	Kinh tế quốc dân
		Quản trị lễ tân trong khách sạn quốc tế hiện đại	Sơn Hồng Đức	2006	Thống kê
		Bài giảng Quản trị kinh doanh khách sạn	Lê Trần Phúc	2015	Lưu hành nội bộ
		Resorts: Management and Operation	Robert Christie Mill	2007	Wiley
		The Business of Resort Management	Peter Muphy	2007	Butterworth-Heinemann
		Giáo trình đại cương quản trị khu nghỉ dưỡng	Hồ Huy Tựu Lê Chí Công	2015	NXB đại học KTQD
50.	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	Kinh doanh nhà hàng – Đường vào nghề	Hồng Vân – Công Mỹ – Hoàng Giang	2007	Trẻ
		Quản lý và nghiệp vụ Nhà hàng – Bar	Nguyễn Xuân Ra	2006	Phụ nữ

		Bài giảng Quản trị kinh doanh nhà hàng	Nguyễn Thị Hồng Đào	2015	Lưu hành nội bộ
51.	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	Quản trị chất lượng trong các tổ chức	Nguyễn Đình Phan	2008	Giáo dục
		Quản trị chất lượng	Tạ Thị Kiều An và cộng sự	2008	Giáo dục
		Managing Services Marketing	John E.G.Bateson	1995	Harcourt Brace College Publishers
		Bài giảng Quản trị chất lượng dịch vụ	Lê Chí Công	2015	Lưu hành nội bộ
52.	Lập kế hoạch kinh doanh du lịch	Giáo trình Kế hoạch kinh doanh	Bùi Đức Tuân	2009	Lao động xã hội
		Kế hoạch kinh doanh	Phạm Ngọc Thúy	2004	Đại học quốc gia Hà Nội
		Business Plan	Ginny L. Kuebler	1996	GLK Management Consulting
		Bài giảng Lập kế hoạch kinh doanh du lịch	Lê Chí Công	2015	Lưu hành nội bộ
53.	Khởi nghiệp trong du lịch	Innovation & Creativity In Organizations	Catherine Garcia	1997	Leadership & Management - DBA
		Motivating Creativity in Organizations: On Doing What You Love and Loving What You Do	Amabile, Teresa M	1997	California Management Review, 40:1 (Fall 1997) pp.39-58
		Giáo trình khởi sự kinh doanh và tái lập doanh nghiệp	Nguyễn Ngọc Huyền	2008	Thư viện trường
		Khởi nghiệp kế hoạch kinh doanh	Nguyễn Văn Dung	2009	Thư viện trường
54.	Chuyên đề tốt nghiệp 1	Hướng dẫn thực tập chuyên đề tốt nghiệp 1	Bộ môn QTDL	2016	Website Bộ môn

55.	Chuyên đề tốt nghiệp 2	Hướng dẫn thực tập chuyên đề tốt nghiệp 2	Bộ môn QTDL	2016	Website Bộ môn

4.2.1.3. Các đảm bảo khác cho hoạt động đào tạo

- Hệ thống mạng Internet chất lượng và tốc độ cao cho từng giảng đường và toàn bộ khuôn viên Trường.
- Phòng học đảm bảo đầy đủ phương tiện dạy học hiện đại (máy chiếu, âm thanh,...), đủ chỗ ngồi cho sinh viên, thoáng mát, đủ ánh sáng, không ồn, phục vụ giảng dạy học tập theo nhóm và thuyết trình trên lớp.
- Trung tâm máy tính cài đặt sẵn các phần mềm thống kê chuyên dụng như SPSS, AMOS,... có đủ máy cho sinh viên thực tập các học phần như Kinh tế lượng, Nguyên lý Thống kê kinh tế,...
- Hàng năm Bộ môn Quản trị du lịch tổ chức cho sinh viên làm việc thực tế tại các khách sạn, nhà hàng, hãng lữ hành, các công ty tổ chức sự kiện hội nghị,...
- Đa phần đội ngũ giảng viên trẻ, nhiệt tình, được đào tạo chính qui, thường xuyên cập nhật kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn và tiếp cận với các phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực**.**
- Ngoài ra, trong thời gian tới, Nhà trường dự kiến thành lập Trung tâm thực hành nghiệp vụ du lịch sẽ hỗ trợ cho các môn học có phần thực hành, thực tập của sinh viên.

PHẦN V: GIẢI PHÁP, MINH CHỨNG ĐẢM BẢO VIỆC LÀM[2]

(Phụ lục 5 kèm theo)

5.1. Thỏa thuận với doanh nghiệp tuyển sinh dụng sinh viên sau khi tốt nghiệp (phụ lục kèm theo)

5.2. Văn bản phối hợp với doanh nghiệp thực hiện công tác dự báo nhu cầu lao động (phụ lục kèm theo và phiếu câu hỏi điều tra).

5.3. Các hình thức khảo sát sinh viên tốt nghiệp có việc làm

[2] Các giải pháp, minh chứng đảm bảo việc làm cho sinh viên tốt nghiệp.
Phối hợp với doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp thực hiện công tác dự báo nhu cầu về số lượng, yêu cầu về chất lượng đối với nhân lực CNTT trên thị trường lao động

Từ năm 2015 đến nay, Bộ môn Quản trị Du lịch liên tục tổ chức việc khảo sát sinh viên tốt nghiệp có việc làm thông qua các hình thức sau:

- Gửi phiếu câu hỏi trực tiếp tới sinh viên;
- Khảo sát thông qua điện thoại;
- Khảo sát thông qua email;
- Mời tham gia hội nghị, hội thảo để thu thập thông tin;
- Mời tham gia giảng dạy, đánh giá thực tập sinh viên để thu thập thông tin.

5.4. Kết quả khảo sát sinh viên tốt nghiệp có việc làm

- Kết quả khảo sát từ 350 sinh viên đã tốt nghiệp ngành du lịch

Bảng 5.1. Thống kê tình hình việc làm sinh viên ngành du lịch sau khi tốt nghiệp

Khóa	Số sinh viên khảo sát	Làm việc trong ngành du lịch				Làm việc ngoài ngành du lịch			
		Tổng số sinh viên	Quản lý	Nhân viên	Khác	Tổng số sinh viên	Quản lý	Nhân viên	Khác
48	32	13	10	3	0	19	10	8	1
49	10	7	4	3	0	3	1	2	0
50	10	5	4	1	0	5	3	2	0
51	50	33	11	17	5	17	7	8	2
52	28	26	17	8	1	2	0	2	0
53	54	39	13	26	0	15	2	12	1
54	74	60	12	45	3	14	1	12	1
55	52	41	4	36	1	11	2	8	1
Tổng	**310**		**75**	**139**	**10**		**26**	**54**	**6**

Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát của Bộ môn Quản trị du lịch từ năm 2015 đến nay

- Kết quả khảo sát doanh nghiệp sử dụng lao động đối với sinh viên tốt nghiệp ngành du lịch trường Đại học Nha Trang.

Để đánh giá cảm nhận của doanh nghiệp về chất lượng đào tạo nguồn nhân lực phục vụ du lịch tại Khánh Hòa hiện nay, chúng tôi đã tiến hành thiết kế phiếu khảo sát 30 doanh nghiệp có sử dụng lao động được đào tạo chuyên ngành du lịch trên địa bàn. Trong tổng số 30 đơn vị được khảo sát có 20 khách sạn và resort, 03 công ty/chi nhánh công ty lữ hành và 07 nhà hàng. Tổng số lao động các đơn vị sử dụng được đào tạo đúng chuyên ngành du lịch ở Khánh Hòa là 250 người, bao gồm lao động được đào tạo từ trường Đại học Nha Trang, Đại học Khánh Hòa, Cao đẳng nghề Du lịch Nha Trang, Cao đẳng nghề Nha Trang và một số trung tâm đào tạo nghề du lịch. Ba nhóm tiêu chí

khi đánh giá chất lượng nguồn nhân lực làm trong ngành du lịch được hỏi bao gồm: Thứ nhất, kiến thức về du lịch của người lao động (12 chỉ tiêu); Thứ hai, kỹ năng của người lao động (15 chỉ tiêu); Thứ ba, đạo đức, thái độ của người lao động (04 chỉ tiêu). Đồng thời, tác giả cũng thiết kế 03 chỉ tiêu đánh giá mức độ hài lòng chung của người sử dụng lao động về kiến thức, kỹ năng và tinh thần/thái độ của lao động làm việc tại doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu cho thấy:

Thứ nhất, về tiêu chí kiến thức về du lịch của người lao động làm việc trong doanh nghiệp được thể hiện trong hình 5.1. Theo đó, với thang điểm đánh giá từ 1 đến 5, điểm bình quân của các tiêu chí này dao động trong khoảng 3,3 đến 3,8. Một số chỉ tiêu được đánh giá thấp như: *kiến thức về marketing du lịch; kiến thức về tâm lý du khách và phương pháp hướng dẫn; kiến thức về kinh doanh khách sạn; kiến thức về quản lý chất lượng dịch vụ.* Các kết quả đánh giá cần nhận được sự quan tâm của cơ sở đào tạo nhân lực du lịch hiện nay.

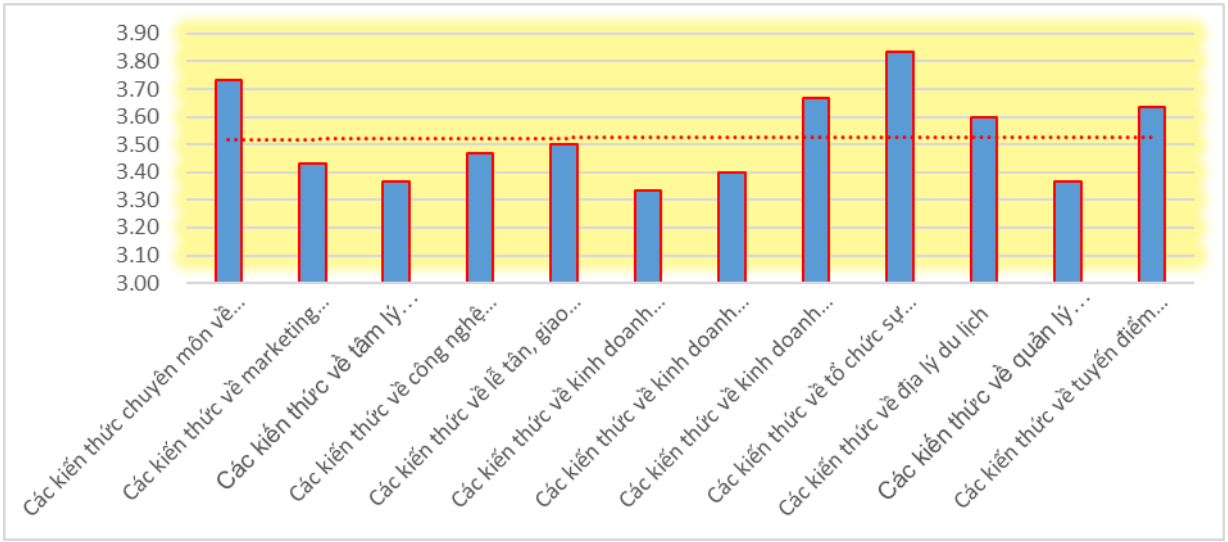

Hình 5.1: Kết quả đánh giá của doanh nghiệp du lịch về kiến thức của lao động được đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng liên quan đến du lịch trên địa bàn.

Thứ hai, về tiêu chí kỹ năng của người lao động làm việc trong doanh nghiệp du lịch được thể hiện trong hình 5.2. Theo đó, với thang điểm đánh giá từ 1 đến 5, điểm bình quân của các tiêu chí này dao động trong khoảng 3,03 đến 3,5. Một số chỉ tiêu được đánh giá thấp như: *kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng giao tiếp; kỹ năng lắng nghe*. Các kết quả đánh giá cần nhận được sự quan tâm của cơ sở đào tạo nhân lực du lịch hiện nay.

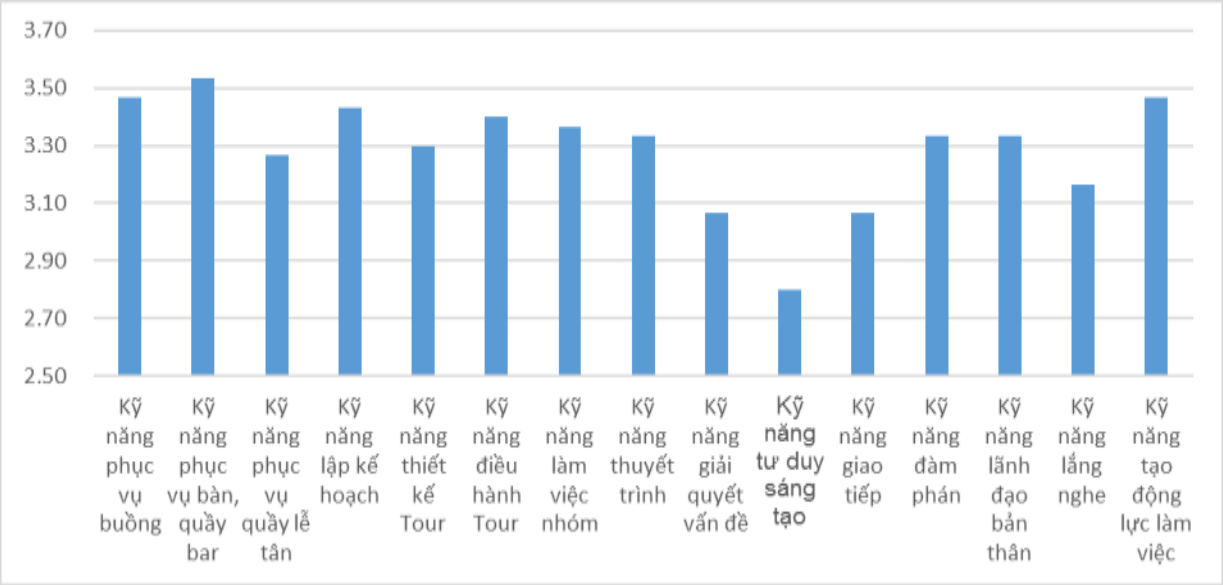

Hình 5.2: Kết quả đánh giá của doanh nghiệp du lịch về kỹ năng của lao động được đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng liên quan đến du lịch trên địa bàn.

Thứ ba, về tiêu chí tinh thần/thái độ của người lao động làm việc trong doanh nghiệp du lịch được thể hiện trong hình 5.3. Theo đó, với thang điểm đánh giá từ 1 đến 5, điểm bình quân của các tiêu chí này dao động trong khoảng 3,43 đến 3,90. Nhìn chung cả bốn chỉ tiêu thể hiện tinh thần/thái độ làm việc của người lao động được doanh nghiệp đánh giá khá cao.

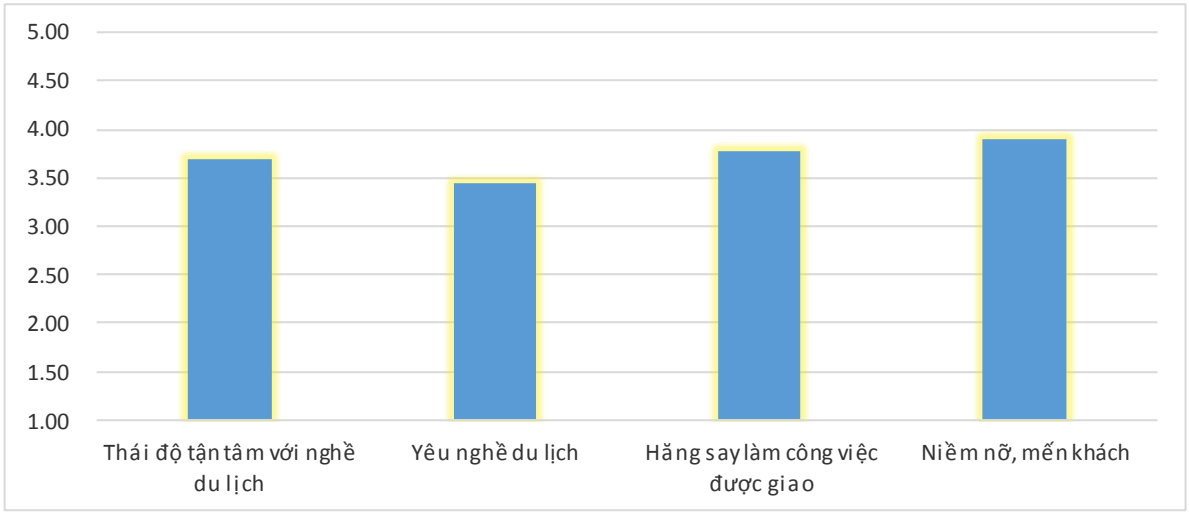

Hình 5.3: Kết quả đánh giá của doanh nghiệp du lịch về tinh thần/thái độ của lao động được đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn.

Cuối cùng, thực hiện so sánh chung về kiến thức, kỹ năng, tinh thần/thái độ và sự hài lòng của doanh nghiệp về chất lượng nguồn nhân lực du lịch được đào tạo ở các cơ sở trên địa bàn Khánh Hòa hiện nay được chỉ ra trong hình 5.4. Theo đó, với thang điểm đánh giá từ 1 đến 5, điểm bình quân của các tiêu chí này dao động trong khoảng 3,26 đến 3,70. Nhìn chung, kỹ năng người lao động là nhóm chỉ tiêu được hầu hết các doanh nghiệp đánh giá thấp nhất. Kết quả khảo sát này ủng hộ quan điểm trong các nghiên cứu trước đây khi cho rằng nhìn chung: *lao động trong ngành du lịch đã được đào tạo nhưng yếu kỹ năng mềm.* Cụ thể, cuộc khảo sát gần nhất của dự án EU đối với các cơ sở lưu trú thì vẫn còn tới 20% ở các chức danh trong lĩnh vực du lịch chưa đáp ứng được yêu cầu công việc. Ở khối lữ hành, tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo lên tới 40%. Trong thực tiễn công tác, có đến 25% số người được khảo sát, đánh giá chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế công việc. **T**rong số gần 600 người được cấp thẻ hành nghề ở tỉnh ta thì đa số là người trẻ, thiếu kinh nghiệm, vốn hiểu biết về lịch sử, văn hóa cũng như khả năng ứng biến, xử lý tình huống khi làm việc. Đặc biệt, hướng dẫn viên thành thạo ngoại ngữ trong giao tiếp vẫn còn rất hạn chế, số người biết tiếng của một số thị trường chiến lược như Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc vừa yếu lại vừa thiếu. Kết quả nghiên cứu cho thấy nhu cầu về nhân lực biết ngoại ngữ bức bách đến nỗi nhiều doanh nghiệp sẵn sàng nhận và đào tạo từ đầu về kiến thức, kỹ năng chuyên môn, miễn rằng ứng viên biết ngoại ngữ.

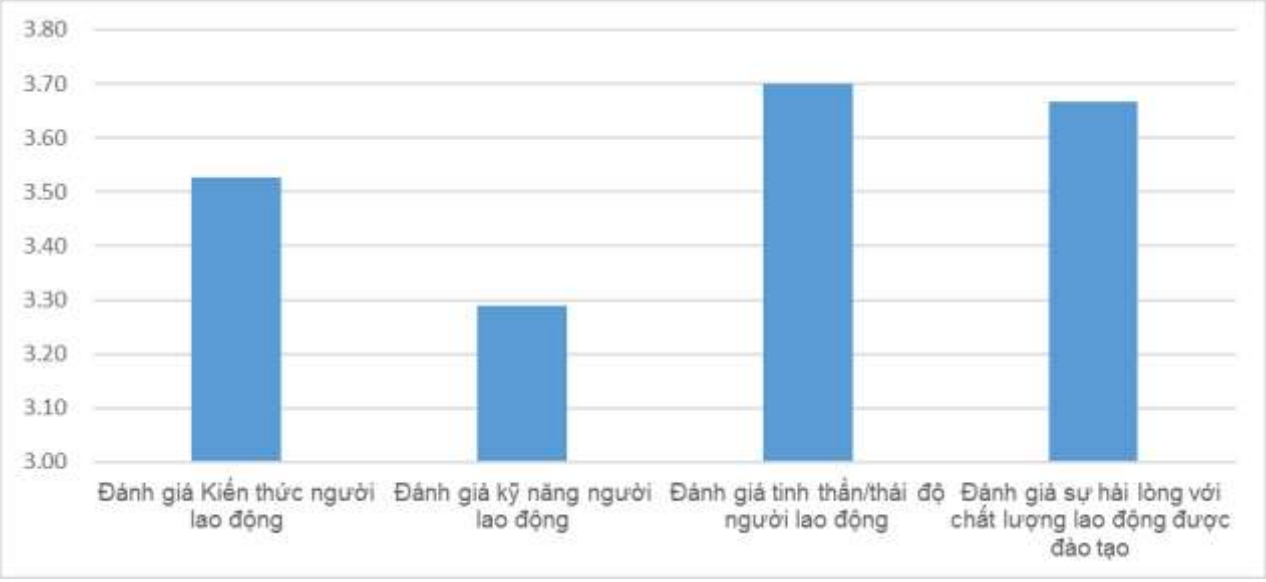

Hình 5.4: Kết quả đánh giá của doanh nghiệp du lịch về kiến thức; kỹ năng; tinh thần/thái độ và chất lượng của lao động được đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng liên quan đến du lịch trên địa bàn.

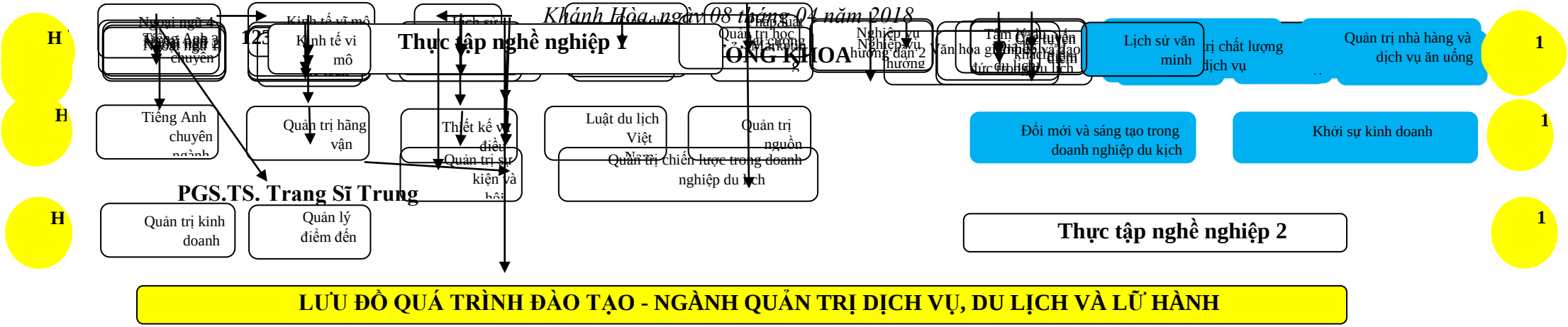

LƯU ĐỒ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO - NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ, DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH

PHẦN II: NỘI DUNG HỢP TÁC VỚI DOANH NGHIỆP ĐỐI TÁC

(Phụ lục 2 kèm theo)

PHẦN III: QUY ĐỊNH VỀ TUYỂN SINH VÀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

(Phụ lục 3 kèm theo)

PHẦN IV: ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

(Phụ lục 4 kèm theo)

PHẦN V: GIẢI PHÁP, MINH CHỨNG ĐẢM BẢO VIỆC LÀM

(Phụ lục 5 kèm theo)

PHỤ LỤC MINH CHỨNG KÈM THEO

Phụ lục 1: Thông tin chung ngành đào tạo[3]

V. THÔNG TIN CHUNG

I.1. **Tên chương trình đào tạo**

Tiếng Việt: **Công nghệ thông tin**

Tiếng Anh: **Information Technology**

I.2. **Tên ngành**: Công nghệ thông tin Mã số: 52480102

I.3. **Trình độ đào tạo**: Đại học

I.4. **Hình thức đào tạo**: Chính quy

I.5. **Định hướng đào tạo**: Ứng dụng

I.6. **Thời gian đào tạo**:

I.7. **Khối lượng kiến thức toàn khóa**:

I.8. **Khoa/viện quản lý**: Khoa Công nghệ Thông tin

I.9. **Giới thiệu về chương trình:**

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

[3] Điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng ứng dụng, mở, liên thông gồm các học phần cốt lõi và các học phần tự chọn.
- *Đối với ngành Công nghệ thông tin*: Thời gian đào tạo thực tế tại các doanh nghiệp ít nhất bằng tổng thời gian thực hành, thực tập của chương trình đào tạo và không ít hơn 30% tổng thời gian thực hiện chương trình đào tạo.
- *Đối với ngành QT dịch vụ du lịch và lữ hành:* Thời gian đào tạo thực tế tại các doanh nghiệp ít nhất bằng tổng thời gian thực hành, thực tập của chương trình đào tạo và không ít hơn 50% tổng thời gian thực hiện chương trình đào tạo

II.1 Mục tiêu chung

II.2 Mục tiêu cụ thể

III. CHUẨN ĐẦU RA

III.1. Nội dung chuẩn đầu ra

III.2. Định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp

IV. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

IV.1. Đối tượng tuyển sinh

IV.2. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

IV.3. Nội dung chương trình đào tạo

IV.4. Phân bổ thời gian giảng dạy

Phụ lục 2: Nội dung hợp tác với doanh nghiệp đối tác[4]

1. Văn bản thỏa thuận hợp tác với Tập đoàn….
2. Văn bản thỏa thuận hợp tác với Công ty….
3. Văn bản thỏa thuận hợp tác với Doanh nghiệp….
4. Văn bản thỏa thuận hợp tác…..

[4] Thỏa thuận hợp tác với doanh nghiệp là nơi thực hành, thực tập của cơ sở đào tạo; sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị, phần mềm của doanh nghiệp để phục vụ thực hành nhằm nâng cao kỹ năng thực hành, ứng dụng thực tiễn của sinh viên.
Thỏa thuận với doanh nghiệp về việc cử chuyên gia tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thực tập, đánh giá kết quả học tập của sinh viên và tuyển dụng sinh viên sau khi tốt nghiệp.
Phối hợp dự báo nhu cầu nhân lực của ngành đào tạo về số lượng, yêu cầu chất lượng; phối hợp đầu tư cơ sở vật chất theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường hợp tác công tư, chú trọng xây dựng các cơ sở thực hành, thực tập chất lượng cao, theo chuẩn mực khu vực và quốc tế phục vụ đào tạo nhân lực.

Phụ lục 3: Quy định về tuyển sinh và tổ chức đào tạo[5]

1. Quy định về tuyển sinh đào tạo đối với ngành áp dụng cơ chế đặc thù.
2. Quy định về chuyển ngành, chuyển trường đối với ngành đào tạo áp dụng cơ chế đặc thù.
3. Chính sách khuyến khích sinh viên đã tốt nghiệp các ngành khác được chuyển sang học văn bằng thứ hai

[5] Một số quy định cần quan tâm:
Quy định về tuyển sinh và quy định về chuyển ngành, chuyển trường đối với ngành đào tạo áp dụng cơ chế đặc thù.
Khuyến khích sinh viên đã tốt nghiệp các ngành khác được chuyển sang học văn bằng thứ hai

Phụ lục 4: Điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo[6]

1. Đội ngũ cán bộ giảng dạy (bao gồm các chuyên gia ngoài trường)
2. Chính sách thu hút nhà khoa học trong và ngoài nước tham gia giảng dạy
3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo

6

Phụ lục 5: Giải pháp, minh chứng đảm bảo việc làm cho SV TN[7]

6. Thỏa thuận với doanh nghiệp tuyển sinh dụng sinh viên sau khi tốt nghiệp
7. Văn bản phối hợp với doanh nghiệp thực hiện công tác dự báo nhu cầu lao động
8. Các hình thức khảo sát sinh viên tốt nghiệp có việc làm
9. Kết quả khảo sát sinh viên tốt nghiệp có việc làm

[7] Các giải pháp, minh chứng đảm bảo việc làm cho sinh viên tốt nghiệp.
Phối hợp với doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp thực hiện công tác dự báo nhu cầu về số lượng, yêu cầu về chất lượng đối với nhân lực CNTT trên thị trường lao động.